TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 1999

SỔ TAY
ĐIỀU TRA VIÊN

HÀ NỘI - 1998

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 1999

SỔ TAY
ĐIỀU TRA VIÊN

HÀ NỘI, 1998

MỤC LỤC

	Trang
Chương I: MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở, VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN	3
I. Mục đích, ý nghĩa của TĐTDS và nhà ở	3
II. Vai trò, nhiệm vụ của điều tra viên	3
Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA	5
I. Thời điểm điều tra	5
II. Phạm vi, đối tượng điều tra	5
III. Đơn vị điều tra	6
IV. Nhân khẩu TTTT tại hộ	6
V. Thời gian điều tra	9
VI. Sơ đồ địa bàn điều tra, bảng kê số nhà, số hộ, số người	10
Chương III: HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA	13
A. Một số nguyên tắc và quy định chung	**13**
I. Nguyên tắc phỏng vấn	13
II. Một số quy định chung về ghi phiếu điều tra	13
III. Sửa sai sót	15
IV. Kiểm tra các phiếu điều tra đã hoàn thành	15
V. Kiểm tra kết qủa điều tra trong ngày	16
B. Hướng dẫn cách hỏi và ghi phiếu điều tra	**17**
Cách ghi trang bìa	17
Phần I. Điều tra dân số	18
Phần II. Điều tra nhà ở	44
Chương IV: CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN CỦA CÁC HỘ DÂN CƯ	49
Phụ lục	**52**
Bài tập	**62**

CHƯƠNG I
MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở, VAI TRÒ NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở

Tổng điều tra dân số và nhà ở (TĐTDS và nhà ở) là một cuộc điều tra toàn diện, nội dung điều tra liên quan đến từng người dân, phải huy động một lực lượng cán bộ và tiền của rất lớn. Ở nước ta, cuộc TĐTDS trong cả nước gần đây nhất đã được tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 1/4/1989. Trong gần 10 năm qua, dân số của nước ta đã thay đổi nhiều về qui mô, cơ cấu, tốc độ phát triển và phân bố địa lý. Vì vậy, Nhà nước đã quyết định tiến hành TĐTDS và nhà ở trong phạm vi cả nước vào thời điểm 0 giờ ngày 1/4/1999 nhằm:

1. Thu thập các số liệu về dân số và nhà ở làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong 10 năm kể từ cuộc TĐTDS 1989;

2. Làm cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế-xã hội cho thời kỳ 2000 - 2010.

II. VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CỦA ĐIỀU TRA VIÊN

Điều tra viên (ĐTV) là người đến từng hộ để trực tiếp phỏng vấn và ghi phiếu cho từng người, thu thập các thông tin về nhà ở của các hộ. Vì vậy, đội ngũ cán bộ điều tra mà trước hết là ĐTV là người trực tiếp quyết định mức độ chính xác của từng câu trả lời ghi trong phiếu điều tra. Trong cuộc TĐTDS và nhà ở 1999, **ĐTV có những nhiệm vụ sau đây:**

• ***Trong giai đoạn chuẩn bị***

1/ Tham dự nghiêm túc đợt tập huấn nghiệp vụ điều tra ghi phiếu: không bỏ bất cứ một buổi lên lớp (hướng dẫn nghiệp vụ, thảo luận và làm bài tập) cũng như đi thực tập tại địa bàn. Chú ý nghe giảng, nghiên cứu kỹ tài liệu, liên hệ với tình hình thực tế của địa phương để nắm vững phạm vi trách nhiệm của mình, nắm vững nghiệp vụ và phương pháp điều tra, ghi phiếu;

2/ Nhận đầy đủ các tài liệu điều tra từ tổ trưởng điều tra như: phiếu điều tra, cặp đựng tài liệu điều tra, sơ đồ địa bàn điều tra; bảng kê số nhà, số hộ, số người; sổ tay ĐTV, bút viết;

3/ *Chuẩn bị địa bàn điều tra*: Trong thời gian tổng soát xét, phải nhận bàn giao địa bàn điều tra từ tổ trưởng điều tra. Kiểm tra đối chiếu toàn bộ các ngôi nhà (kể cả có người ở và không có người ở) có trong địa bàn đã được thể hiện trên sơ đồ địa bàn điều tra và bảng kê số nhà, số hộ, số người. Phát hiện những ngôi nhà có người ở, những hộ/những nhân khẩu thực tế thường trú (TTTT) trong phạm vi địa bàn mình phụ trách bị bỏ sót hoặc mới chuyển đi để bổ sung, hiệu chỉnh sơ đồ, bảng kê;

4/ Thăm và hẹn lịch trình cụ thể với từng hộ cho ngày điều tra đầu tiên và những ngày tiếp theo, nhằm giảm bớt thời gian phải đến hộ nhiều lần. Tìm hiểu, phát hiện các trường hợp chết (đặc biệt các trường hợp chết sơ sinh và chết cả hộ) xảy ra trong địa bàn từ ngày 30 Tết nguyên đán năm 1998 (vào ngày 27/1/1998 dương lịch) đến hết tháng 3 năm 1999. Phát hiện những hộ có thể không có mặt tại địa bàn trong suốt thời gian điều tra để có kế hoạch tiến hành điều tra, đăng ký trước.

• ***Trong giai đoạn điều tra***

1/ Tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc TĐTDS và nhà ở trong nhân dân, đặc biệt là khi tiếp xúc với hộ, trước khi tiến hành một cuộc phỏng vấn ghi phiếu;

2/ Phải thực hiện đúng phương pháp điều tra là phỏng vấn trực tiếp;

3/ Xác định chính xác số hộ thuộc địa bàn mình phụ trách. Việc phỏng vấn, ghi phiếu phải tuân thủ đúng những quy định về nghiệp vụ và quy trình phỏng vấn, đảm bảo không điều tra trùng hoặc bỏ sót một đối tượng điều tra (ĐTĐT) nào, cũng như không ghi thừa hay bỏ sót một mục nào trên phiếu;

4/ Cần điều tra theo đúng tiến độ quy định: ngày đầu tiên điều tra khoảng 5 hộ, các ngày sau khoảng 10 hộ/ĐTV/ngày. Chống tư tưởng chủ quan, lướt nhanh, làm ẩu dẫn đến kết qủa kém chính xác;

5/ Cuối mỗi ngày điều tra, phải kiểm tra lại phiếu đã ghi, phát hiện các sai sót để sửa chữa kịp thời, nếu cần thiết phải quay trở lại hộ để xác minh và sửa chữa. Việc sửa chữa những sai sót phải theo đúng quy định, không được tẩy xóa, không được dùng bút xoá để sửa chữa các thông tin ghi sai trên phiếu. Sắp xếp những phiếu đã hoàn thành theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn. Báo cáo tiến độ và nộp cho tổ trưởng số phiếu đã hoàn thành trong ngày để tổ trưởng kiểm tra chất lượng ghi phiếu. Xác minh những sai sót ghi trên phiếu mà tổ trưởng yêu cầu. Ghi chép kết qủa điều tra ghi phiếu hàng ngày vào bảng *"Theo dõi tiến độ điều tra" (Phụ lục 1);*

6/ Phải có tinh thần hợp tác với các ĐTV khác, phục tùng sự chỉ đạo của Tổ trưởng điều tra;

7/ Phải giữ gìn phiếu và các tài liệu điều tra khác sạch sẽ, an toàn, đồng thời không được tiết lộ các thông tin ghi trên phiếu cho người khác biết.

• ***Khi kết thúc điều tra***

1/ Soát xét trên sơ đồ và bảng kê xem có còn hộ nào, người nào thuộc ĐTĐT ở địa bàn mà chưa được điều tra ghi phiếu. Nếu có, phải tiến hành điều tra bổ sung;

2/ Cùng với tổ trưởng sắp xếp các phiếu theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn theo địa bàn mình phụ trách, ký biên bản bàn giao phiếu điều tra và các tài liệu khác cho tổ trưởng theo đúng mẫu và kế hoạch bàn giao tài liệu.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ ĐIỀU TRA

I. THỜI ĐIỂM ĐIỀU TRA: Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1999.

Trong thời gian điều tra, cho dù ĐTV đến hộ để phỏng vấn ghi phiếu vào bất kỳ ngày, giờ nào, thì cũng phải lấy mốc thời điểm là 0 giờ, ngày 1 tháng 4 (hay 12 giờ đêm 31/3) để xác định số nhân khẩu TTTT tại hộ, và thông tin về các chỉ tiêu điều tra cho từng ĐTĐT để ghi phiếu.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA

1. Tất cả những người Việt Nam và người nước ngoài (không kể những người làm trong các đại sứ quán, các cơ quan ngoại giao đoàn và thân nhân của họ đi theo) vẫn thường xuyên cư trú trên toàn bộ lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đến thời điểm điều tra;

2. Những người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài có thời hạn, và tính đến thời điểm điều tra họ vẫn ở nước ngoài *trong thời hạn quy định.*

Những người sinh sau thời điểm điều tra và những người chết trước thời điểm điều tra sẽ không thuộc đối tượng điều tra (ĐTĐT) và sẽ không được điều tra đăng ký.

3. Nhà ở của các hộ dân cư trên toàn bộ lãnh thổ của nước CHXHCN Việt Nam

III. ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA: là "hộ" theo khái niệm sau đây:

Hộ: Bao gồm một hay một nhóm người ở chung và ăn chung.

Đối với những hộ có từ hai người trở lên, thì họ có thể có hoặc không có quỹ thu-chi chung; họ có thể có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hoặc kết hợp cả hai.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ, một phần hay trên một ngôi nhà/căn hộ, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều/lán/trại/nhà trọ/khách sạn; hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá ..., hoặc không có nhà ở.

Chú ý: Đối với học sinh, sinh viên các trường chuyên nghiệp (công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, v.v...) cư trú trong các ký túc xá của trường hoặc thuê, mượn nhà để ở; học sinh các trường phổ thông nội trú: Về nguyên tắc, có thể có 1 hay nhiều hộ cùng ở trong 1 phòng ở, và mỗi hộ phải được ghi vào 1 tập phiếu riêng. Song, để thuận tiện cho việc ghi chép của ĐTV và tiết kiệm phiếu, những học sinh/sinh viên cùng ở chung trong 1 phòng ở, được quy định ghi chung vào 1 tờ phiếu hộ (không kể họ có ăn chung với nhau hay không).

IV. NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ (TTTT) TAI HỘ

Nhân khẩu thực tế thường trú (TTTT) tại hộ là những người thực tế vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ hoặc mới chuyển đến ở ổn định tại hộ, *không phân biệt họ đã hay chưa được cơ quan công an cho đăng ký hộ khẩu thường trú.*

Nhân khẩu TTTT tại hộ bao gồm cả số *nhân khẩu tạm vắng,* nhưng không bao gồm số *nhân khẩu tạm trú.*

Nhân khẩu TTTT tại hộ bao gồm các loại sau đây:

1. Những người vẫn ở ổn định tại hộ tính đến thời điểm điều tra, bao gồm:

- Những người lâu nay vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ, đến thời điểm điều tra họ còn đang ở đó, không phân biệt họ đã hay chưa được đăng ký hộ khẩu thường trú (không kể những người là bộ đội, công an, người nước ngoài sẽ được điều tra theo kế hoạch riêng);

- Trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra;

- Những người tuy đã có giấy tờ di chuyển, nhưng đến thời điểm điều tra họ vẫn chưa rời khỏi hộ để đến nơi ở mới (giấy gọi nhập ngũ, giấy chiêu sinh, quyết định tuyển dụng/thuyên chuyển công tác, v. v. . .).

2. Những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ tính đến trước thời điểm điều tra, bao gồm:

- Những người đã rời hẳn nơi ở cũ có giấy chứng nhận di chuyển (không kể thời gian họ đã chuyển đến hộ được bao lâu);

- Những người đã rời nơi ở cũ, tuy không có giấy tờ chứng nhận sự di chuyển, nhưng đã xác định rõ họ chuyển đến ở ổn định tại hộ như: đến xây dựng vùng kinh tế mới, về ở nhà chồng/vợ, đến ở làm con nuôi, cán bộ/công nhân viên nghỉ theo chế độ hưu trí/mất sức đã trở về sống với gia đình (không kể những người do quân đội, công an quản lý đang nghỉ chế độ chờ quyết định hưu trí, mất sức), v. v. . .

3. Những người tạm vắng: là những người tạm thời vắng mặt nơi TTTT của họ, không kể thời gian tạm vắng dài hay ngắn, như: đang đi công tác (trong và ngoài nước), đi buôn chuyến, đi dân công, đi thăm người thân, đi du lịch hoặc chữa bệnh, học sinh phổ thông đi trọ học (không kể học sinh phổ thông học ở các trường phổ thông nội trú), những người bị tạm giữ, v. v....

Những *"nhân khẩu tạm vắng"* được gọi là *"nhân khẩu tạm trú"* tại địa bàn nơi mà họ có mặt tại thời điểm điều tra. Tất cả các nhân khẩu "tạm vắng" và "tạm trú" đều phải được điều tra, đăng ký tại nơi TTTT của họ.

Chú ý: Đối với những người đi làm ăn ở nơi khác, như: những người ở nông thôn đi ra thành phố làm những công việc không mang tính chất ổn định, lâu dài ở một nơi nhất định (làm thuê trong các nhà hàng, khách sạn, giúp việc cho các gia đình, làm các công việc xây dựng, v.v...), những người đi làm thuê các công việc thuộc ngành nông nghiệp (làm cỏ, cắt lúa, thu hoạch cà phê, cao su....), thì quy ước như sau:

- Nếu đi cả hộ, thì điều tra họ tại nơi mà họ hiện đang cư trú;
- Nếu chỉ đi một hoặc một số người trong hộ: nếu họ đã rời nơi TTTT cũ từ 6 tháng trở lên, tính đến thời điểm điều tra, thì điều tra họ tại nơi họ đang cư trú (không kể thời gian họ cư trú tại nơi đang ở là bao lâu). Trường hợp, họ rời nơi TTTT cũ chưa được 6 tháng, tính đến thời điểm điều tra, thì điều tra họ tại nơi TTTT cũ của họ.

Không được tính là nhân khẩu TTTT tại hộ những người sau đây:

- Trẻ em mới sinh sau thời điểm điều tra và những người chết trước thời điểm điều tra;

- Những người đến tạm trú tại hộ;

- Những người là quân nhân tại ngũ, công nhân viên quốc phòng, công an, kể cả những người mới được tạm tuyển hoặc làm hợp đồng ngắn và dài hạn (trừ những

người đang làm công nhật hoặc thời vụ) trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh do quân đội và công an quản lý, những người do quân đội, công an quản lý đang nghỉ chế độ chờ quyết định hưu trí, mất sức;

- Những người đang học tập/cải tạo/cải huấn trong các trường/trại cải tạo, cải huấn (do ngành quân đội hoặc công an quản lý), kể cả những người bị tạm giam (đã được viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt giam);

- Những người đã cư trú ổn định ở nước ngoài (có hoặc không có giấy xuất cảnh), kể cả những người đã ở nước ngoài qúa thời hạn quy định;

- Việt kiều về thăm gia đình;

- Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam;

- Người Việt Nam đang làm trong các đại sứ quán, cơ quan ngoại giao đoàn ở nước ngoài (kể cả thân nhân của họ đi theo).

Đối tượng điều tra cụ thể thuộc phạm vi 1 địa bàn điều tra, bao gồm:

1. Những người là nhân khẩu TTTT tại các hộ thuộc phạm vi ranh giới của địa bàn điều tra (không kể những người thuộc lực lượng quân đội, công an và người nước ngoài không thuộc những người nói ở điểm 5 dưới đây hiện đang thường trú tại địa bàn);

Riêng những người đang làm công nhật hoặc thời vụ (không kể làm hợp đồng và tạm tuyển) cho quân đội, công an thì phải được tính là nhân khẩu TTTT tại hộ.

2. Những người được phép xuất cảnh ra nước ngoài (công tác, học tập, tham quan, du lịch, thăm người thân, chữa bệnh, v.v....) có thời hạn và tính đến thời điểm điều tra họ vẫn còn ở nước ngoài trong thời hạn cho phép (không kể những người do lực lượng quân đội, công an quản lý, những người làm trong các đại sứ quán, các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ đi theo);

3. Những quân nhân, công an đào ngũ, đào nhiệm (đã có giấy báo của đơn vị hoặc có một căn cứ xác đáng khác) hiện đang cư trú tại hộ;

4. Những người sống trong các nhà dưỡng lão, trại trẻ mồ côi, trại phong/hủi, và các trung tâm/trường/trại/cơ sở khác thuộc ngành Lao động-Thương binh-Xã hội quản lý đóng trên phạm vi ranh giới của địa bàn điều tra;

5. Những người mới chuyển đến cư trú ổn định tại ĐBĐT.

6. Những người đã nhận được giấy tờ di chuyển (như: giấy báo nhập ngũ; quyết định tuyển dụng vào các cơ quan, xí nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; giấy chiêu sinh vào các trường chuyên nghiệp trong và ngoài lực lượng quân đội, công an quản lý; quyết định thuyên chuyển nơi công tác, đi xây dựng vùng kinh tế mới; v.v...), nhưng đến thời gian điều tra họ vẫn còn ở nhà.

7. Những người gốc nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.

8. Những người đang bị quản thúc, án treo, hoặc tạm giữ (chưa được viện kiểm sát phê chuẩn lệnh bắt giam) và TTTT tại địa bàn. Trường hợp chủ hộ không xác định được "tạm giam" hay "tạm giữ", thì quy ước: nếu đã bị tạm giam/giữ dưới 24 giờ là trường hợp "tạm giữ", nếu đã bị tạm giam/giữ trên 24 giờ là "tạm giam".

Một số điểm cần chú ý:

1. Những hộ có hai hoặc nhiều nơi ở

- Nếu các nơi ở của hộ cùng nằm trên phạm vi lãnh thổ của 1 địa bàn: ĐTV sẽ điều tra đăng ký họ vào một nơi mà hộ được xác định là nơi ở chính;

- Nếu các nơi ở của hộ thuộc phạm vi lãnh thổ của nhiều địa bàn khác nhau trong cùng một xã/phường hoặc khác xã/phường: Đến thời điểm điều tra, ai được xác định là nhân khẩu TTTT ở địa bàn nào sẽ do ĐTV phụ trách địa bàn đó điều tra đăng ký.

2. Những hộ sống bằng nghề trên mặt nước:

- *Nếu họ có nhà ở trên bờ:* nhà ở của họ thuộc địa bàn nào sẽ do ĐTV phụ trách địa bàn đó điều tra đăng ký.

- *Nếu họ không có nhà ở trên bờ nhưng có đăng ký tại bến gốc:* bến gốc của họ thuộc địa bàn nào sẽ do ĐTV phụ trách địa bàn đó điều tra đăng ký.

3. Những người không có nơi ở ổn định, sống nay đây mai đó: Vào ngày đầu tiên (1/4/1999), họ có mặt ở xã/phường nào thì Ban chỉ đạo TĐTDS và nhà ở xã/phường đó điều tra đăng ký.

V. THỜI GIAN ĐIỀU TRA

Thời gian điều tra được tiến hành trong 9 ngày, từ 7giờ ngày 1 tháng 4 năm 1999 đến 19 giờ ngày 9 tháng 4 năm 1999. Riêng các địa bàn mẫu thì tiến hành điều tra trong 11 ngày, từ 7 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1999 đến 19 giờ ngày 11 tháng 4 năm 1999.

Trong khi điều tra, ĐTV phải lấy thời điểm điều tra (0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 1999) làm mốc thời gian để xác định số nhân khẩu TTTT và các đặc trưng cá nhân của họ để ghi phiếu.

VI. SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA, BẢNG KÊ SỐ NHÀ, SỐ HỘ, SỐ NGƯỜI

1. Địa bàn điều tra và sơ đồ địa bàn điều tra

a. ***Địa bàn điều tra***: là một khu vực dân cư có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng mà một điều tra viên phải hoàn thành trách nhiệm điều tra đăng ký trong thời gian điều tra.

Mỗi địa bàn điều tra được thể hiện trên một sơ đồ được gọi là "sơ đồ địa bàn điều tra".

b. Sơ đồ địa bàn điều tra: thể hiện phạm vi, ranh giới của địa bàn, số lượng nhà và vị trí của từng ngôi nhà trong địa bàn, các đặc điểm địa lý dễ nhận biết và dễ định hướng.

Nội dung chủ yếu của "sơ đồ địa bàn điều tra" bao gồm:

- Ranh giới của địa bàn và tên của các địa bàn/xã/huyện/tỉnh hoặc tên nước giáp ranh: nhằm giúp cho ĐTV xác định được phạm vi ranh giới và vị trí của địa bàn điều tra mà mình phải hoàn thành trách nhiệm điều tra trong thời gian điều tra, không bỏ sót bất kỳ một ngôi nhà nào cũng như bất kỳ một nơi nào có người TTTT trong phạm vi ranh giới của địa bàn, cũng không điều tra bất kỳ một ngôi nhà nào hay một nơi nào có người TTTT nằm ngoài đường ranh giới của địa bàn.

- Ký hiệu trên sơ đồ: Là các hình vẽ, đường nét khác nhau được quy định thống nhất nhằm mô tả các đặc điểm địa lý, dân cư trên thực địa lên sơ đồ. Các ký hiệu được quy định thống nhất sử dụng trên sơ đồ bao gồm các ký hiệu sau đây (xem Phụ lục 4):

Những ký hiệu trên giúp cho ĐTV xác định được tổng số ngôi nhà và những nơi có người TTTT mà mình phải đến để phỏng vấn, ghi phiếu; xác định vị trí, đặc điểm, hướng đi đến từng nhà trong địa bàn.

2. Bảng kê số nhà, số hộ, số người: Là bảng liệt kê các nhà có người TTTT, các hộ và số nhân khẩu TTTT của từng hộ trong địa bàn, theo một số tiêu thức chính về hộ và nhân khẩu.

Nội dung của Bảng kê số nhà, số hộ, số người thể hiện: số thứ tự nhà của từng ngôi nhà/căn hộ có người cư trú thường xuyên trong ĐBĐT, số thứ tự hộ của các hộ TTTT trong ĐBĐT, họ tên chủ hộ và số nhân khẩu TTTT của mỗi hộ (tổng số người, số nữ) tính đến thời điểm lập bảng kê. Tuy vậy, ĐTV không được lệ thuộc vào các số liệu đã thể hiện trên bảng kê mà phải áp dụng đúng quy trình để xác định chính xác số nhân

khẩu TTTT tại mỗi hộ tính đến thời điểm điều tra. Phần cuối của bảng kê dành cho ĐTV ghi tổng số nhân khẩu TTTT (và số nữ) của từng hộ thực tế đã điều tra được.

3. Sử dụng sơ đồ và bảng kê

a. Trong thời gian rà soát sơ đồ và bảng kê trước thời điểm điều tra

Trong thời gian 3 ngày đi thực địa để rà soát địa bàn trước thời điểm điều tra, ĐTV phải mang theo sơ đồ và bảng kê để kiểm tra, đối chiếu với thực địa xem có khớp nhau hay không về các khía cạnh sau:

- Ranh giới của địa bàn, tổng số ngôi nhà/nơi ở có người TTTT, vị trí của từng ngôi nhà và các vật định hướng trong địa bàn;

- Đường đi lối lại trong địa bàn, hướng đi đến từng ngôi nhà/nơi ở có người TTTT;

- Số thứ tự nhà trên sơ đồ và bảng kê, số thứ tự hộ cư trú trong mỗi ngôi nhà, họ và tên chủ hộ của từng hộ trong ngôi nhà đó, tổng số người TTTT (trong đó số nữ) của mỗi hộ.

Trong qúa trình rà soát địa bàn, nếu phát hiện có chỗ nào mà sơ đồ và bảng kê đã lập không đúng với thực địa như: đường ranh giới không rõ ràng, các ngôi nhà và các vật định hướng vẽ sai vị trí, quy trình đi lại không hợp lý, chủ hộ ghi trên bảng kê (hoặc số người TTTT trong hộ) khác với chủ hộ (hoặc số người TTTT trên thực địa), có những ngôi nhà bị bỏ sót không được thể hiện trên sơ đồ, hoặc có những thay đổi về đặc điểm địa lý như: có những ngôi nhà mới được xây dựng xong và đã có người đến ở, ao đã bị lấp, có ngôi nhà đã bị phá huỷ, v.v... thì phải báo cáo ngay với tổ trưởng để Ban chỉ đạo TĐTDS và nhà ở xã/phường hiệu chỉnh, bổ sung và thay đổi cho phù hợp với thực tế và đúng quy định.

Cách hiệu chỉnh, ghi bổ sung như sau:

- Trường hợp phát hiện nhà có người TTTT bị bỏ sót: Vẽ ký hiệu nhà có người TTTT tương ứng với vị trí thực tế trên thực địa lên sơ đồ. Ghi số thứ tự nhà là số có số thứ tự liền kề tiếp theo số thứ tự nhà cuối cùng trên sơ đồ vào bên trong khung ký hiệu của ngôi nhà đó (và chỉ số tầng của ngôi nhà đó nếu có). Ghi số thứ tự hộ của hộ cư trú trong ngôi nhà đó là số có số thứ tự liền kề tiếp theo số thứ tự hộ cuối cùng có trong bảng kê;

- Trường hợp ngôi nhà khi vẽ sơ đồ là nhà không có người ở, hiện đã có người chuyển đến ở, hoặc ngôi nhà đang xây dựng, đến nay đã xây dựng xong và có người đến ở: dùng bút bi gạch ngang hai gạch chữ "K" (nhà không có người ở) hoặc chữ "ĐXD" (nhà đang xây dựng) bên trong ký hiệu của ngôi nhà đó, sau đó ghi số thứ tự nhà và số

thứ tự hộ cho những hộ sống trong những ngôi nhà này trên sơ đồ và bảng kê giống như trên.

- Trường hợp hộ sống trong ngôi nhà đó chuyển đi cả hộ trước thời điểm điều tra: Dùng bút bi gạch ngang hai gạch lên số thứ tự nhà và ghi chữ "K" bên trong ký hiệu của ngôi nhà đó trên sơ đồ. Gạch ngang một đường chạy suốt từ cột 1 đến cột 3 của dòng tương ứng với hộ đã chuyển đi trên bảng kê, và ghi dòng "Đã chuyển đi cả hộ" vào cột ghi chú trên cùng dòng với dòng đã gạch bỏ. Không đánh lại số thứ tự nhà và số thứ tự hộ của những ngôi nhà và những hộ tiếp theo (trong trường hợp này, sẽ có những ngôi nhà và những hộ có số thứ tự cách quãng).

- Trường hợp hộ cũ khi lập bảng kê đã chuyển đi trước thời điểm điều tra, thay vào đó là 1 hộ mới, thì gạch 1 dòng chạy suốt từ cột 3 đến cột 8 trên bảng kê. Sau đó ghi lại các thông tin của hộ mới đến thay thế hộ cũ vào các cột đã gạch bỏ. Trong trường hợp này, số thứ tự nhà và số thứ tự hộ của hộ mới chuyển đến sẽ thay thế cho hộ cũ đã chuyển đi.

b. Trong thời gian điều tra

Trong suốt qúa trình đi điều tra thực tế tại địa bàn, ĐTV phải mang theo sơ đồ và bảng kê ĐBĐT.

Trước khi vào mỗi nhà, ĐTV phải xem lại số thứ tự nhà, số thứ tự hộ trên sơ đồ và bảng kê xem có đúng là ngôi nhà và số thứ tự hộ mà mình định đến để điều tra không.

Trước khi tiến hành phỏng vấn ghi phiếu, ĐTV phải xác định họ và tên chủ hộ xem có trùng với họ và tên chủ hộ đã được ghi trên bảng kê hay không. Trường hợp không trùng thì giải quyết như hướng dẫn ở chương III, phần B, mục "*cách ghi trang bìa của phiếu*".

Sau khi kết thúc phỏng vấn ghi phiếu cho mỗi hộ và trước khi rời hộ để đi đến hộ tiếp theo, ĐTV phải ghi số nhân khẩu TTTT và số nữ của hộ đã điều tra được vào các cột 9, 10 tương ứng và ghi ngày điều tra hộ đó vào cột 11 trong bảng kê (xem phụ lục 7), để biết là ngôi nhà đó và hộ đó đã được điều tra.

c. Sau khi kết thúc điều tra

Sau khi kết thúc điều tra, ĐTV phải kiểm tra sơ đồ và bảng kê xem tất cả các cột 9, 10, 11 trên bảng kê đã được ghi chép đầy đủ chưa. Nếu còn hộ nào chưa được ghi chép vào bảng kê thì phải kiểm tra lại phiếu điều tra xem hộ đó đã được điều tra chưa. Nếu đã điều tra thì ghi tiếp vào bảng kê, còn nếu chưa thì phải đến hộ để điều tra.

CHƯƠNG III

HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

A. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ QUY ĐỊNH CHUNG

I. NGUYÊN TẮC PHỎNG VẤN

Điều tra viên (ĐTV) phải đến từng hộ để hỏi chủ hộ về từng nhân khẩu thực tế thường trú (TTTT) của hộ để ghi vào phiếu điều tra. Nếu chủ hộ không nhớ chính xác về mục nào đó của một thành viên trong hộ, thì ĐTV hỏi trực tiếp thành viên đó. Trường hợp người đó đi vắng thì ĐTV hẹn (ngày, giờ) trở lại hộ để hỏi trực tiếp người đó.

ĐTV phải xác định được tổng số người TTTT của hộ trước khi hỏi và ghi các thông tin cho từng người vào phiếu điều tra.

Việc phỏng vấn phải được tiến hành cho từng người một, đầu tiên là chủ hộ; tiếp đến là chồng/vợ, con đẻ, con riêng của vợ (hoặc chồng) chủ hộ, con /dâu/rể/nuôi, cha/mẹ của chủ hộ, cuối cùng là những người có quan hệ gia đình khác và những người không có quan hệ gia đình với chủ hộ.

Khi hỏi cần nói chậm và rõ, **đặt câu hỏi như đã in trên phiếu** (đối với những câu hỏi không có dấu sao(*) bên cạnh), hoặc **phải hỏi đúng theo "Quy trình phỏng vấn"** (đối với những câu hỏi có dấu (*) bên cạnh). Không giải thích dài dòng hoặc gợi ý câu trả lời. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, vì hầu hết ĐTV là người địa phương, nên cần tránh máy móc khi đặt câu hỏi. Ví dụ, khi ĐTV đã biết chắc chắn giới tính của ĐTĐT, thì không cần nhắc lại câu hỏi "(TÊN) là nam hay nữ?".

Trong một số trường hợp, có thể đưa ra những câu hỏi phụ để nhận được câu trả lời chính xác. Nhưng phải đảm bảo không làm sai lạc ý của câu hỏi gốc.

II. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Chữ viết và chữ số phải sạch sẽ, rõ ràng, dễ đọc. Không được viết tắt, viết ngoáy.

2. Chỉ sử dụng bút bi mực xanh hoặc tím để ghi các thông tin trên phiếu điều tra, nhưng không được ghi bằng bút bi mực đen hoặc mực đỏ.

3. ĐTV không được bỏ trống mà phải ghi thông tin trả lời lên các dòng có đường kẻ liền (_____). Ngược lại, ĐTV không được ghi thông tin trên các dòng có đánh dấu chấm (.....).

Có hai loại câu hỏi được thiết kế trong phiếu điều tra, đó là:

- Câu hỏi có các câu trả lời đã được mã hóa trước (câu hỏi đóng);
- Câu hỏi không có câu trả lời đã được mã hóa trước (câu hỏi mở).

a) Các câu hỏi có các câu trả lời đã được mã hóa trước: Là những câu hỏi đã được liệt kê sẵn các tình huống trả lời bằng mã số trên phiếu điều tra. Để ghi câu trả lời, ĐTV chỉ cần khoanh tròn một mã số tương ứng với câu trả lời. Mỗi câu hỏi chỉ được khoanh một mã số. Ví dụ:

10. Hiện nay (TÊN) đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC ..... (1) ĐÃ THÔI HỌC .....2 CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC.....3 ***(Hỏi câu 12)*** ↵

b) Các câu hỏi không có câu trả lời đã được mã hóa trước: Khi ghi câu trả lời đối với loại câu hỏi này, ĐTV phải viết thông tin trả lời vào chỗ dành sẵn trong phiếu điều tra. Có hai cách ghi:

- Đối với những câu hỏi chỉ có dòng chấm chấm (...) và các ô mã dành sẵn bên cạnh, mà không có đường kẻ liền thì ĐTV chỉ phải ghi thông tin trả lời bằng số vào các ô mã dành sẵn. Ví dụ:

4(*) (TÊN) sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG ..... [0][8] NĂM .....1[9][7][5]

- Đối với những câu hỏi vừa có đường kẻ liền, vừa có các ô mã bên cạnh thì ĐTV phải ghi thông tin trả lời bằng chữ hoặc bằng số vào dòng kẻ liền dành sẵn, *nhưng không ghi gì vào ô mã dành sẵn bên cạnh.* Ví dụ:

17. Trong 12 tháng qua (TÊN) đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (nếu có)?	***Trưởng phòng tài vụ*** ***Công ty than Hòn gai*** (Ghi cụ thể) [ ][ ][ ]

Lưu ý: - Trong phiếu có thiết kế một số câu hỏi có bước nhảy. Bước nhảy có nghĩa là: khi câu trả lời được khoanh vào một mã số nào đó, mà bên cạnh mã số đó có mũi tên hướng dẫn hỏi câu tiếp theo, thì ĐTV sẽ tiếp tục phỏng vấn theo sự chỉ dẫn này. Ví dụ:

10. Hiện nay (TÊN) đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC .....1 ĐÃ THÔI HỌC ..... 2 CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC..... (3) ***(Hỏi câu 12)*** ↵

Trong ví dụ trên, trường hợp ĐTĐT trả lời là "chưa bao giờ đi học", ĐTV sẽ khoanh mã số "3", sau đó chuyển sang hỏi câu 12, bỏ qua Câu 11.

- Các ô mã dành sẵn để ghi thông tin trả lời phải được ghi đầy đủ, mỗi ô mã chỉ được ghi 1 chữ số, không được bỏ trống bất kỳ một ô mã nào. Nếu số chữ số của câu trả lời nhỏ hơn số ô mã dành sẵn thì (những) ô mã thừa phía bên trái các ô mã sẽ được ghi (những) số không (0).

III. SỬA SAI SÓT

Vấn đề quan trọng là ĐTV phải ghi rõ ràng, hoặc phải khoanh chính xác mã các câu trả lời của ĐTĐT. Trường hợp ĐTV ghi sai câu trả lời, hoặc ĐTĐT thay đổi câu trả lời, thì thận trọng gạch bỏ câu trả lời (hoặc mã số) không đúng bằng cách gạch hai dòng song song đè lên câu trả lời (hoặc mã số) không đúng, rồi ghi câu trả lời (hoặc khoanh mã số) đúng vào vị trí thích hợp. Không được tẩy xóa câu trả lời.

Ví dụ:

12. Hiện nay **(TÊN)** ***có biết đọc và biết viết không?***	CÓ ..... (1) KHÔNG ..... ~~(2)~~

IV. KIỂM TRA CÁC PHIẾU ĐIỀU TRA ĐÃ HOÀN THÀNH

Sau khi kết thúc phỏng vấn, ĐTV phải kiểm tra lại phiếu đối với từng người trong hộ để đảm bảo mọi câu hỏi thích hợp đều đã được hỏi và đã được ghi các câu trả lời một cách chính xác, hợp lý (kể cả các thông tin chung cho cả hộ). Kiểm tra tính lôgíc của các thông tin trả lời của từng nhân khẩu và giữa các nhân khẩu TTTT trong hộ về những chỉ tiêu có liên quan.

Ví dụ:

1. Kiểm tra tính lôgíc về tuổi giữa các thành viên trong hộ:

1.1 Mẹ đẻ phải hơn người con đầu ít nhất 13 tuổi: Vì ở Việt Nam, người phụ nữ hầu như không có khả năng sinh con trước độ tuổi 13;

1.2 Hai người con sinh liền kề nhau phải cách nhau ít nhất 8 tháng (trừ trường hợp sinh đôi, sinh ba...). Chúng ta đều biết, một người phụ nữ thường chỉ có khả năng mang thai ít nhất một tháng sau khi sinh con, và thời gian mang thai ít nhất là 28 tuần (7 tháng). Vì vậy, hai người con sinh kế tiếp nhau phải cách nhau ít nhất 8 tháng;

2. Kiểm tra tính lôgíc giữa tuổi với trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn kỹ thuật:

2.1 Một người mới 10 tuổi khó có thể học lớp 8: Thông thường, một đứa trẻ bắt đầu đi học khi 5 hoặc 6 tuổi, nếu đứa trẻ đó học mỗi năm 1 lớp thì khi 10 tuổi, nó cũng chỉ có thể học đến lớp 5 hoặc lớp 6 là cao nhất. Do đó, đứa trẻ này hầu như không thể học đến lớp 8 được;

2.2 Một người đã đạt được trình độ đại học ít có khả năng có tuổi dưới 21: Nói chung, để đạt trình độ đại học, một người thường phải học 12 năm học phổ thông và ít nhất 4 năm học ở bậc đại học. Như vậy, người đó phải học tất cả là 16 năm. Nếu người đó đi học từ khi 5 tuổi, thì thường cũng phải 21 tuổi mới đạt được trình độ đại học.

Trong qúa trình điều tra thực tế, nếu ĐTV phát hiện có những trường hợp đã nêu trong mục 1 và 2 trên đây xảy ra thì phải đi kiểm tra thực tế để xác minh lại.

3. Kiểm tra cách ghi phiếu và thực hiện các bước nhảy:

3.1 Đối với các câu hỏi đóng: Với những câu hỏi này thì mỗi câu hỏi chỉ được khoanh 1 mã số, nếu có từ 2 mã số trở lên (hoặc không có mã số nào) được khoanh là sai;

3.2 Đối với các câu hỏi mở: Phải có thông tin được ghi bằng chữ hoặc bằng số trên dòng kẻ liền dành sẵn, không được ghi gì vào các ô mã dành sẵn (nếu bên cạnh các ô mã có dòng kẻ liền). Ngược lại, phải có thông tin trả lời bằng mã số được ghi vào các ô mã dành sẵn (nếu bên cạnh các ô mã có dòng chấm chấm);

3.3 Kiểm tra việc thực hiện các bước nhảy có đúng không, chẳng hạn, ở câu 10, nếu mã sô "3" được khoanh thì câu 11 phải bỏ trống, nếu câu 11 có thông tin là sai.

V.v.....

Sau khi tự kiểm tra chất lượng ghi phiếu, ĐTV phải đọc lại một cách chậm rãi, rõ ràng tất cả các thông tin về từng người và thông tin chung của cả hộ cho chủ hộ nghe trước khi yêu cầu chủ hộ ký tên vào phiếu điều tra.

V. KIỂM TRA KẾT QỦA ĐIỀU TRA TRONG NGÀY

Cuối mỗi ngày điều tra, ĐTV phải kiểm tra lại tất cả các phiếu đã điều tra được trong ngày xem trang bìa của phiếu đã ghi đầy đủ và chính xác chưa, kiểm tra lại các tiêu thức ghi trong phiếu đã đảm bảo đầy đủ, chính xác và hợp lý chưa, sắp xếp các phiếu đã hoàn chỉnh theo số thứ tự hộ từ nhỏ đến lớn. Riêng đối với những hộ ở chung trong 1 ngôi nhà, mà phần kê khai nhà ở chỉ khai cho hộ đại diện thì kẹp phiếu điều tra của những hộ không phải kê khai phần nhà ở vào bên trong tập phiếu điều tra của hộ đại diện. Để riêng và ghi chép lại những phiếu còn có sai sót, lập kế hoạch trở lại hộ để hoàn thiện những phiếu này.

B. HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

CÁCH GHI TRANG BÌA CỦA PHIẾU

1. Các dòng *"Tỉnh/thành phố", "Huyện/quận/thị xã", "Xã/phường/thị trấn":* ĐTV gạch một đường kẻ ngang để bỏ những từ không thích hợp, đồng thời ghi tên tỉnh (hoặc thành phố); tên huyện (hoặc quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh); tên xã (hoặc phường/thị trấn) vào dòng kẻ liền tương ứng.

2. *"Địa bàn điều tra số"* và *"Tên địa bàn điều tra":* ĐTV ghi số của địa bàn điều tra vào hai ô mã dành sẵn, và ghi tên (địa chỉ) của địa bàn điều tra vào hai dòng kẻ liền dành sẵn bên dưới. Số và tên của địa bàn điều tra ghi trên trang bìa của phiếu điều tra phải thống nhất với số và tên của địa bàn điều tra đã được ghi trên "Bảng kê số nhà, số hộ, số người" và "Sơ đồ địa bàn điều tra" mà ĐTV đã được tổ trưởng giao cho.

Lưu ý: ĐTV nên ghi các thông tin ở mục 1 và mục 2 nêu trên trước khi tới từng hộ để điều tra.

3. *"Hộ số", "Họ và tên chủ hộ":* ĐTV hỏi họ và tên chủ hộ rồi đối chiếu câu trả lời với họ và tên chủ hộ, và số thứ tự hộ đã ghi trên bảng kê. *Nếu trùng nhau*, ĐTV ghi họ và tên chủ hộ vào dòng kẻ liền dành sẵn, ghi số thứ tự hộ vào ba ô mã dành sẵn thuộc dòng *"Hộ số"*. Trường hợp câu trả lời khác với chủ hộ đã ghi trên "Bảng kê số nhà, số hộ, số người", ĐTV hỏi và xác định người chủ hộ chính thức của hộ này và quyết định sửa lại bảng kê. Nếu phát hiện đây là hộ mới chuyển đến địa bàn để cư trú lâu dài hoặc bị bỏ sót, chưa được hiệu chỉnh trong thời gian rà soát địa bàn điều ra, ĐTV phải ghi bổ sung vào sơ đồ và bảng kê theo số thứ tự nhà và số thứ tự hộ tiếp theo số thứ tự nhà và số thứ tự hộ cuối cùng trên sơ đồ và trong bảng kê, đồng thời báo cáo cho tổ trưởng biết.

4. *"Địa chỉ của hộ"*: ghi thống nhất với "Địa chỉ của hộ" đã được ghi trong bảng kê. Thông thường, địa chỉ của hộ chính là địa chỉ thường dùng để gửi thư.

5. *"Đây là tập phiếu thứ ___ trong tổng số tập phiếu của hộ là ___"* : Mục này chỉ được ghi sau khi ĐTV đã hoàn thành phỏng vấn. Mỗi tập phiếu được thiết kế để ghi cho 8 nhân khẩu, mỗi nhân khẩu một cột. Nếu hộ có trên 8 nhân khẩu TTTT, ĐTV sẽ phải dùng trên 1 tập phiếu. Ví dụ:

- Một hộ chỉ dùng 1 tập phiếu thì ghi mục này như sau:

"Đây là tập phiếu thứ 1, trong tổng số tập phiếu của hộ là 1 ".
- Một hộ khác dùng 2 tập phiếu thì ghi mục này như sau: Tập thứ nhất ghi:

"Đây là tập phiếu thứ 1 , trong tổng số tập phiếu của hộ là 2 ".

Tập thứ hai ghi: "Đây là tập phiếu thứ __2__, trong tổng số tập phiếu của hộ là 2".

6. *"Tổng số người trong hộ", "Tổng số nam", "Tổng số nữ":* Sau khi đã kết thúc phỏng vấn và kiểm tra phiếu đã hoàn thành, ĐTV đếm tổng số người trong hộ để ghi vào hai ô mã dành sẵn tương ứng với dòng *"Tổng số người trong hộ"*, đếm và ghi số nam và số nữ của hộ vào hai ô mã dành sẵn tương ứng với dòng *"Tổng số nam", "Tổng số nữ"*. ĐTV không được nhìn vào dòng "Người thứ" cuối cùng trong phiếu điều tra để ghi cho chỉ tiêu *"Tổng số người trong hộ"*.

7. *"Tổng số người chết của hộ"* (mục này chỉ ghi cho các địa bàn điều tra mẫu): ĐTV đếm số người chết của hộ ở Câu hỏi 2, phần "Về những người chết của hộ..." để ghi cho mục này.

8. Sau khi kết thúc phỏng vấn, kiểm tra chất lượng ghi phiếu, và đọc lại cho chủ hộ nghe, ĐTV yêu cầu chủ hộ ký tên vào dòng kẻ liền dành sẵn, đồng thời ký và ghi rõ họ, tên mình vào dòng kẻ liền dành sẵn. Trước khi ra khỏi nhà, ĐTV phải ghi kết qủa điều tra vào các cột 9, 10, ghi ngày điều tra vào cột 11 của "Bảng kê" để biết số thứ tự nhà và số thứ tự hộ này đã được điều tra.

Chú ý: Nếu hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên, thì từ tập thứ hai trở đi, ĐTV vẫn phải ghi đầy đủ các thông tin từ mục "Tỉnh/thành phố" đến mục "Đây là tập phiếu thứ...., trong tổng số tập phiếu của hộ là..." trên trang bìa như đã ghi trên tập phiếu thứ nhất, các mục còn lại bỏ trống. Đồng thời phải sửa lại dòng "người thứ" cho liên tục với "người thứ" cuối cùng của tập phiếu thứ nhất.

PHẦN I. ĐIỀU TRA DÂN SỐ

Trình tự hỏi và ghi như sau:

- Hỏi và ghi họ, tên từng người ở Câu hỏi 1 và quan hệ của người đó với chủ hộ ở Câu hỏi 2. Hỏi và ghi hai câu này trước cho tất cả mọi nhân khẩu TTTT của hộ. Sau đó hỏi và ghi các câu hỏi còn lại theo từng người: ghi thông tin cho người này xong rồi mới chuyển sang người tiếp theo, bắt đầu là chủ hộ, sau đó lần lượt đến vợ/chồng chủ hộ, con đẻ của chủ hộ, con riêng của vợ/chồng chủ hộ, con dâu/rể/nuôi của chủ hộ, cha/mẹ của chủ hộ, cuối cùng là những người có quan hệ gia đình khác và không có quan hệ gia đình với chủ hộ .

- Các nhân khẩu TTTT của hộ phải ghi theo số thứ tự "người thứ" liên tục từ "người thứ 1", "người thứ 2", . . . cho đến người cuối cùng, không được cách quãng. Cột

thứ nhất dành riêng để ghi cho chủ hộ. Nếu vì lý do nào đó mà ĐTV bỏ trống hoặc ghi sai phải hủy bỏ một (hay nhiều) cột thì phải ghi lại số thứ tự "người thứ" cho liên tục. Trường hợp 1 hộ phải dùng trên 1 tập phiếu, thì từ tập phiếu thứ 2, ĐTV phải ghi lại số thứ tự "người thứ" cho phù hợp. Trong trường hợp này, cột "người thứ 1" của tập phiếu thứ 2 sẽ được sửa lại thành "người thứ 9", cột "người thứ 2" sẽ được sửa lại thành "người thứ 10", v.v.... ***Phần điều tra nhà ở, phần điều tra về chết (đối với các địa bàn điều tra mẫu) của những hộ phải dùng từ 2 tập phiếu trở lên phải được ghi ở tập phiếu cuối cùng.***

- Sau khi đã ghi xong "họ và tên" cho từng người vào trang thứ nhất, ĐTV chỉ cần chép lại "tên" của mỗi người vào cột tương ứng với "số thứ tự" đã in sẵn của họ ở các trang tiếp theo.

- Ghi "số thứ tự hộ" và "số thứ tự địa bàn điều tra" vào dòng kẻ liền dành sẵn, ở phía trên bên phải các trang 2 và 3 của tập phiếu.

CÁC CÂU HỎI TỪ 1 ĐẾN 7: HỎI CHO TOÀN BỘ DÂN SỐ

Câu hỏi 1(*): Họ và tên của từng người thực tế thường trú (TTTT) trong hộ, bắt đầu là chủ hộ? *(Câu này ĐTV phải hỏi theo quy trình phỏng vấn)*

Yêu cầu quan trọng hàng đầu trong tổng điều tra dân số là không được tính trùng hay bỏ sót nhân khẩu TTTT trong từng hộ, từng địa bàn điều tra, từng địa phương cũng như trên phạm vi toàn quốc. Để thực hiện được yêu cầu đó, ĐTV phải vận dụng một cách đúng đắn những quy định về nhân khẩu TTTT và phạm vi, đối tượng điều tra đã nêu ở phần trên, thông qua việc sử dụng "***Quy trình phỏng vấn***" để hỏi.

Họ và tên của từng người TTTT trong hộ phải được ghi bằng chữ in có dấu.

Câu hỏi 2: (TÊN) có quan hệ thế nào với chủ hộ?

Nếu ĐTĐT là chủ hộ thì mã "1" được khoanh, mỗi thành viên còn lại của hộ thì dựa vào mối quan hệ với chủ hộ của người đó để khoanh một trong các mã số "2", hoặc "3", hoặc "4", hoặc "5" thích hợp.

Khái niệm của mỗi loại quan hệ với chủ hộ như sau:

+ *Chủ hộ:* là người đại diện của hộ được các thành viên trong hộ thừa nhận.

Đối với những hộ chỉ có các cháu nhỏ, bố và mẹ đều là bộ đội hoặc công an (được điều tra theo kế hoạch riêng), thì quy ước chủ hộ là cháu lớn tuổi nhất.

Đối với học sinh, sinh viên các trường chuyên nghiệp, và học sinh phổ thông các trường phổ thông nội trú, theo quy định, sẽ điều tra đăng ký họ theo phòng ở và coi đó là

1 hộ. Chủ hộ của những hộ này sẽ là người được mọi thành viên trong phòng ở thừa nhận. Những thành viên khác trong hộ sẽ có mối quan hệ "khác" với chủ hộ.

+ ***Chồng/vợ:*** Nếu một người có 2 vợ (chồng) trở lên cùng sống chung trong một hộ, thì những người này đều được xác định là vợ (chồng) của chủ hộ (xem Câu hỏi 15). Một người được xác định là vợ/chồng của chủ hộ thì ĐTV khoanh mã số "2";

+ ***Con đẻ:*** Là người con do chính chủ hộ sinh ra. Một người được xác định là con đẻ của chủ hộ thì ĐTV khoanh mã số "3";

+ ***Cha/mẹ:*** Cha (mẹ) của chủ hộ bao gồm cha (mẹ) đẻ, cha (mẹ) nuôi, cha (mẹ) vợ (hoặc chồng) của chủ hộ.

+ ***Quan hệ khác:*** Cần ghi rõ quan hệ với chủ hộ như: con riêng của vợ/chồng chủ hộ, con dâu/con rể/con nuôi, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác, ông/bà nội (ngoại), cháu nội, cháu ngoại, người giúp việc, bạn bè, v.v. . . Một người được xác định là quan hệ khác với chủ hộ thì ĐTV khoanh mã số "5";

Câu hỏi 3: (TÊN) là nam hay nữ?

Đối với những ĐTĐT được phỏng vấn trực tiếp, thì ĐTV có thể dễ dàng xác định người đó là nam hay nữ để khoanh vào mã số tương ứng. Tuy nhiên, đối với các cháu nhỏ và những người đi vắng, ĐTV không được dựa vào chữ tên đệm để suy đoán người đó là nam hoặc nữ, mà phải hỏi chủ hộ.

Câu hỏi 4 (*): (Tên) sinh vào tháng, năm dương lịch nào?

(Câu hỏi này ĐTV phải hỏi theo quy trình phỏng vấn)

ĐTV cần hỏi và ghi *tháng, năm sinh thực tế theo dương lịch* của ĐTĐT để ghi vào các ô mã tương ứng. Ghi tháng sinh vào hai ô mã dành sẵn cùng dòng với chữ "THÁNG". Nếu tháng sinh nhỏ hơn 10, thì thêm số "0" vào ô mã bên trái. Ghi ba chữ số cuối của năm sinh vào ba ô mã dành sẵn cùng dòng với chữ "NĂM".

Ví dụ: Một người khai tháng, năm sinh theo dương lịch của mình là tháng 6, năm 1954. ĐTV sẽ ghi như sau:

4 (*). (TÊN) sinh vào tháng,	THÁNG			0	6
năm dương lịch nào?	NĂM	1	9	5	4

Lưu ý: Đối với những người sinh trước tháng 4 năm 1899 (từ 100 tuổi trở lên), thì sau khi ghi câu trả lời về tháng, năm sinh của người đó vào các ô mã tương ứng, ĐTV phải ghi vào "Danh sách các cụ 100 tuổi trở lên" (Phụ lục 5).

Trên thực tế, việc thu thập chính xác thông tin về tháng, năm sinh theo dương lịch

của nhiều người, nhất là những người cao tuổi, là không dễ dàng. Vì vậy, ĐTV cần *lưu ý một số điểm sau đây*:

a) ĐTĐT chỉ nhớ được tháng, năm sinh/tuổi theo âm lịch *(như Canh Tý, Đinh Sửu, Nhâm Dần, Qúy Mão, v.v . . .):* trường hợp này giải quyết như sau:

- Khi ĐTĐT trả lời tháng sinh của mình, ĐTV nhất thiết phải hỏi lại để xác định xem đó là tháng theo dương lịch hay âm lịch. Nếu ĐTĐT trả lời đó là tháng theo âm lịch, thì ĐTV phải cộng thêm 1 đơn vị để có được tháng sinh theo dương lịch (vì thông thường tháng âm lịch đến muộn hơn tháng dương lịch 1 tháng). Như vậy, tương ứng với các tháng từ tháng giêng, hai, ba, v. v. . ., đến tháng một âm lịch là các tháng 2, 3, 4, . . . đến tháng 12 dương lịch. Riêng tháng chạp âm lịch sẽ là tháng 1 dương lịch của năm sau.

- Nếu ĐTĐT chỉ nhớ năm sinh theo âm lịch, ĐTV phải sử dụng "***Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch" (Phụ lục 2)*** để chuyển từ năm âm lịch sang năm dương lịch.

Ví dụ: Một người khai sinh vào tháng chạp năm Ất Mùi. Căn cứ vào lời khai và dùng "Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch", thì xác định được người đó sinh vào tháng 1 năm 1956 dương lịch.

- Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ được "chi" (như: Tý, Sửu, Dần, Mão, ...) của năm sinh theo âm lịch mà không nhớ được "can" (như: Giáp, Ất, Bính, Đinh,...) của năm âm lịch đó, thì ĐTV cần hỏi thêm tuổi theo âm lịch của người đó và dùng "Bảng đối chiếu năm âm lịch và năm dương lịch" để xác định năm sinh theo dương lịch cho người đó.

- Trường hợp ĐTĐT chỉ nhớ tuổi theo âm lịch (tuổi mụ), thì ước tính năm sinh theo dương lịch theo công thức sau:

Năm điều tra	-	Số tuổi	+	1	=	Năm sinh
(1999)		theo âm lịch				theo dương lịch

Ví dụ: Một người khai là 66 tuổi âm lịch, năm sinh ước tính theo dương lịch của người đó là:

$$1999 - 66 + 1 = 1934$$

b) ĐTĐT không nhớ tháng, năm sinh/tuổi cả theo dương lịch và âm lịch

- ***ĐTĐT không nhớ tháng sinh:*** ĐTV cần đặt những câu hỏi thăm dò để có thể xác định được tháng sinh theo dương lịch cho người đó, như: "(TÊN) sinh vào trước hay sau Tết Nguyên đán bao nhiêu tháng?", "(TÊN) sinh vào mùa xuân, hay mùa hạ/thu/đông? mùa khô hay mùa mưa?", hoặc đặt những câu hỏi có liên quan đến những

ngày dễ nhớ trong năm của cả nước cũng như của địa phương, như: Ngày Quốc khánh, ngày 1/5, ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954), ngày giải phóng Miền Nam (30/4/1975), các ngày lễ hội của địa phương, v. v.... Sau khi đã đặt thêm câu hỏi thăm dò mà vẫn không xác định được tháng sinh thì ghi mã "**" (không xác định) vào hai ô mã dành sẵn tương ứng với dòng tháng sinh (mỗi ô mã một dấu"*").

- ***ĐTĐT không nhớ năm sinh và tuổi***: ĐTV có thể đặt thêm các câu hỏi thăm dò như: "(TÊN) bao nhiêu tuổi thì sinh con đầu/út?", "(TÊN) kết hôn khi bao nhiêu tuổi?", "(TÊN) hơn (kém) người em (anh/chị) liền kề bao nhiêu tuổi?", v.v.... Khi đã xác định được tuổi sinh con đầu/út, tuổi khi kết hôn, tuổi hiện tại của người em/anh/chị kế, ĐTV có thể xác định được tuổi hiện tại và năm sinh của ĐTĐT. Tương tự, ĐTV có thể liên hệ năm sinh của ĐTĐT với các sự kiện lịch sử hoặc những sự kiện nào đó của địa phương để xác định năm sinh theo dương lịch của ĐTĐT. Sau khi đã đặt thêm các câu hỏi thăm dò mà vẫn không xác định được năm sinh/tuổi của ĐTĐT, thì ĐTV phải ước lượng tuổi cho ĐTĐT (căn cứ vào diện mạo của ĐTĐT, tuổi của người con đầu, tuổi của anh/chị/em...), từ đó ước tính năm sinh theo dương lịch cho ĐTĐT. ***Nhất thiết không được ghi mã "không xác định" hoặc để trống năm sinh.***

Câu hỏi 5: (TÊN) thuộc dân tộc nào?

ĐTV căn cứ vào lời khai của chủ hộ hoặc người đại diện của hộ để ghi tên dân tộc cho ĐTĐT vào dòng kẻ liền dành sẵn của mục này (để trống hai ô mã).

Ví dụ: Một người khai tên dân tộc của mình là Khơ mú, thì ghi như sau:

5. (TÊN) thuộc dân tộc nào? ___*Khơ mú*___ ☐☐
(Tên dân tộc)

Con của hai vợ chồng không cùng dân tộc hoặc con nuôi không cùng dân tộc với bố/mẹ nuôi, nếu chưa đủ 18 tuổi thì do cha/mẹ thỏa thuận kê khai dân tộc cho con theo dân tộc của bố hoặc mẹ. Nếu người con đó đã đủ 18 tuổi trở lên thì do người con đó tự xác định dân tộc cho mình.

Những người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam, thì quy ước ghi tên quốc tịch gốc của họ.

Lưu ý: Ở những huyện biên giới, một số dân tộc ít người có tập quán du canh du cư, ĐTV cần lưu ý hỏi và ghi hết số nhân khẩu "tạm vắng" trong thời gian điều tra.

Câu hỏi 6

6.a: (TÊN) có theo tôn giáo (đạo) nào không?

Căn cứ vào câu trả lời của ĐTĐT, nếu câu trả lời là "có" thì ĐTV khoanh mã số

"1", đồng thời ghi tên tôn giáo (đạo) mà ĐTĐT trả lời vào dòng kẻ liền dành sẵn, ô mã để trống; nếu câu trả lời là "không" (hoặc trả lời là "Lương") thì ĐTV khoanh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi Câu hỏi 7.

6.b: Nếu câu trả lời ở Câu hỏi 6.a thuộc 1 trong 6 tôn giáo sau đây, hỏi thêm:

Câu hỏi này chỉ hỏi cho những người được khoanh mã số "1" ở Câu hỏi 6.a, đồng thời trên dòng kẻ liền dành sẵn có ghi tên của 1 trong 6 tôn giáo: ***Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi giáo, Cao đài, hoặc Hòa Hảo .***

- Phật giáo: Phải hỏi để xác định xem ĐTĐT đã "quy y tam bảo" hoặc đã được cấp "sớ điệp" chưa. Nếu đã "quy y tam bảo" hoặc đã được cấp "sớ điệp", thì ĐTV khoanh mã số "1", nếu chưa thì khoanh mã số "2".

- Công giáo: Phải hỏi để xác định xem ĐTĐT đã "chịu phép rửa tội" chưa. Nếu đã "chịu phép rửa tội" thì khoanh mã số "1", nếu chưa thì khoanh mã số "2".

- Tin Lành: Phải hỏi để xác định xem họ đã chịu "phép Bắp Têm" chưa. Nếu đã chịu "phép Bắp Têm" thì khoanh mã số "1", nếu chưa thì khoanh mã số "2".

- Hồi giáo: Phải hỏi để xác định xem ĐTĐT theo đạo ***Hồi giáo Ixlam*** hay ***Hồi giáo BNi.***

+ *Nếu là Hồi giáo Ixlam:* Đối với nam, phải hỏi xem đã làm lễ "Xu Nát" (cắt da quy đầu) chưa. Trường hợp đã làm lễ "Xu Nát" thì khoanh mã số "1", trường hợp chưa thì khoanh mã số "2".

Đối với nữ, phải hỏi xem đã làm lễ "Xuống tóc" (cắt tóc) chưa. Trường hợp đã làm lễ "Xuống tóc" thì khoanh mã số "1", trường hợp chưa thì khoanh mã số "2".

+ *Nếu là hồi giáo BNi:* Phải quan sát và hỏi để xác định nhà họ có thờ "Thần Lợn" không. Nếu có thì khoanh mã số "1". Nếu không thì khoanh mã số "2".

- Cao đài: Phải hỏi để xác định xem ĐTĐT đã được cấp "Sớ cầu đạo" chưa. Nếu đã được cấp "Sớ cầu đạo" thì khoanh mã số "1". Nếu chưa thì khoanh mã số "2".

- Phật giáo Hòa Hảo: Phải hỏi để xác định xem ĐTĐT đã được cấp "Thẻ hội viên", trong nhà có thờ Trần Điều (miếng vải màu đỏ hoặc nâu), và ảnh Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ hay không. Nếu có ít nhất một trong các điều kiện trên thì khoanh mã số "1". Nếu không thì khoanh mã số "2".

Câu hỏi 7: Vào đêm Tổng điều tra (31/3/1999) , (TÊN) đang có mặt ở trong tỉnh, ngoài tỉnh hay ở nước ngoài?

Nơi có mặt vào đêm 31/3/1999 ở đây là tỉnh/thành phố, nơi mà ĐTĐT đã có mặt trong đêm 31/3/1999, không phân biệt nơi đó có phải là nơi TTTT của ĐTĐT hay không.

Nếu tên tỉnh/thành phố, nơi mà ĐTĐT đã có mặt trong đêm 31/3/1999, trùng với tên tỉnh/thành phố ghi trên trang bìa của phiếu điều tra, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu tên tỉnh/thành phố đó khác với tên tỉnh/thành phố ghi trên trang bìa của phiếu điều tra, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi cụ thể tên tỉnh/thành phố đó (nơi mà ĐTĐT đã có mặt trong đêm 31/3/1999) vào dòng kẻ liền dành sẵn, ba ô mã để trống.

Ví dụ: Một nhân khẩu TTTT được điều tra tại thành phố Hà Nội, nhưng đêm 31/3/1999 người đó có mặt tại tỉnh Ninh Bình, thì ghi như sau:

7. Vào đêm TĐTDS (31/3/1999), (TÊN) đang có mặt ở trong tỉnh, ngoài tỉnh hay ở nước ngoài?

CÙNG TỈNH 1
KHÁC TỈNH . . . . . ②
Ninh Bình ☐☐☐
(Ghi tên tỉnh)
Ở NƯỚC NGOÀI 3

Nếu trong đêm 31/3/1999 người này đang ở nước ngoài thì khoanh mã số "3" (NƯỚC NGOÀI).

Chú ý: Đối với những người vào đêm 31/3/1999 đang đi trên các phương tiện giao thông thì quy ước tính như sau:

- Đối với những người đang đi trên tàu hỏa, máy bay, tàu biển: Về nguyên tắc, vào lúc 24 giờ ngày 31/3, phương tiện giao thông đó đang ở tỉnh nào thì ghi nơi có mặt cho ĐTĐT ở tỉnh đó. Nếu không xác định được vào lúc 24 giờ ngày 31/3 phương tiện giao thông đang ở đâu, thì quy ước tính nơi có mặt vào đêm 31/3 cho ĐTĐT là nơi xuất phát của phương tiện mà người đó đang đi.

Ví dụ: Một người đi tàu hỏa từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội. Vào lúc 24 giờ ngày 31/3, người đó vì ngủ nên không biết tàu khi đó đi trên địa phận của tỉnh nào. Như vậy, theo quy ước trên, ta sẽ tính nơi có mặt cho người này vào đêm 31/3 là thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với những người đang đánh cá trên biển vào đêm 31/3: tính nơi có mặt của họ là tỉnh/thành phố, nơi có bến gốc hoặc có nhà ở trên bờ.

CÁC CÂU HỎI TỪ 8 ĐẾN 12: CHỈ HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI SINH TRƯỚC THÁNG 4/1994 (TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN) (*Đối với những người sinh năm 1994 nhưng không xác định được tháng sinh - mã "**" ở Câu hỏi 4, thì cũng phải hỏi các câu hỏi này*):

Câu hỏi 8: Nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm (vào ngày 31/3/1994) của (TÊN) ở đâu?

Cách ghi cụ thể như sau: Nơi TTTT cách đây 5 năm của ĐTĐT (vào ngày 31/3/1994) chỉ có thể rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

a) Cùng xã/phường: Nếu cách đây 5 năm (vào ngày 31/3/1994) ĐTĐT vẫn thường xuyên cư trú tại cùng 1 xã/phường (đã được ghi trên dòng xã/phường/thị trấn trên trang bìa của phiếu điều tra) thì ĐTV khoanh mã số "1", sau đó bỏ qua không hỏi Câu hỏi 9 mà chuyển sang hỏi tiếp Câu hỏi 10.

b) Xã/phường/thị trấn khác trong cùng huyện/quận: Nếu xã/phường/thị trấn nơi TTTT của ĐTĐT trước khi chuyển đến xã/phường/thị trấn hiện đang cư trú khác nhau, *nhưng trong cùng một huyện*, thì ĐTV khoanh mã số "2"; sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 9.

c) Huyện/quận khác trong cùng tỉnh: Nếu huyện/quận nơi TTTT của ĐTĐT trước khi chuyển đến huyện/quận hiện đang cư trú khác nhau, *nhưng trong cùng một tỉnh/thành phố*, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi cụ thể tên huyện/quận đó vào dòng kẻ liền dành sẵn. Để trống hai ô mã, sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 9.

Ví dụ: Một người hiện đang TTTT và được điều tra tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, nhưng vào ngày 31/3/1994, người đó cư trú thường xuyên (TTTT) tại huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, thì ghi như sau:

8. Nơi TTTT cách đây 5 năm (vào ngày 31/3/1994) của (TÊN) ở đâu?

HUYỆN/QUẬN KHÁC TRONG CÙNG TỈNH ..... (3)

Từ Liêm ☐☐

(Tên huyện/quận)

d) Tỉnh/thành phố khác: Nếu tỉnh/thành phố nơi TTTT của ĐTĐT trước khi chuyển đến tỉnh/thành phố hiện đang cư trú khác nhau, thì ĐTV khoanh mã số "4", đồng thời ghi cụ thể tên tỉnh/thành phố đó vào dòng kẻ liền dành sẵn. Để trống ba ô mã, sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 9.

Ví dụ: Một người hiện đang TTTT và được điều tra tại tỉnh Hà Tây, nhưng vào ngày 31/3/1994, người đó cư trú thường xuyên tại tỉnh Khánh Hòa, thì ghi như sau:

8. Nơi TTTT cách đây 5 năm (vào ngày 31/3/1994) của (TÊN) ở đâu?

KHÁCTỈNH/
THÀNH PHỐ..... (4)
Khánh Hòa ☐☐☐
(Tên tỉnh/thành phố)

d) Ở nước ngoài: Nếu vào ngày 31/3/1994, nơi TTTT của ĐTĐT trước khi chuyển đến xã/phường này là nước ngoài, thì ĐTV khoanh mã số "5", sau đó chuyển sang hỏi tiếp Câu hỏi 10, mà không hỏi Câu hỏi 9.

* **Chú ý:** Nếu một người nào đó mà nơi TTTT (huyện, tỉnh) của họ vào ngày 31/3/1994 khác với nơi TTTT tại thời điểm điều tra của họ, song tên của huyện (tỉnh) đó hiện đã thay đổi do thay đổi địa giới hành chính hoặc đổi tên huyện (tỉnh), v.v..., thì ĐTV ghi tên của nơi TTTT trước đây của họ theo tên huyện (tỉnh) mới mà không ghi theo tên cũ (xem phụ lục 8). Trường hợp ĐTĐT không biết tên huyện (tỉnh) nơi ở cũ theo tên gọi hiện nay, thì ĐTV ghi tên huyện (tỉnh) đó theo lời khai của ĐTĐT.

Đối với những người không có nơi TTTT vào ngày 31/3/1994, thì ghi theo địa chỉ, nơi mà họ có mặt vào ngày 31/3/1994.

Câu hỏi 9: Nơi thường trú của (TÊN) cách đây 5 năm, lúc đó là xã hay phường/thị trấn?

Nếu tên của nơi ở cũ trước khi ĐTĐT chuyển đến nơi hiện đang thường trú là "phường" hay "thị trấn" thì ĐTV khoanh mã số "1", còn nếu nơi ở cũ là "xã" thì ĐTV khoanh mã số "2". Nếu ĐTĐT không nhớ hoặc không biết nơi TTTT cũ là xã hay phường/thị trấn thì ĐTV khanh mã số "9".

Câu hỏi 10: Hiện nay (TÊN) đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?

Tình hình đi học là hiện trạng của một người đối với sự theo học ở một cơ sở giáo dục phổ thông hoặc chuyên nghiệp (từ bậc cao đẳng trở lên) được Nhà nước công nhận, như các trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, và các trường chuyên nghiệp từ bậc cao đẳng trở lên thuộc các hệ thống trường công lập, bán công, dân lập (tư thục), hoặc các trường lớp tương đương (kể cả các hình thức đào tạo chuyên tu, tại chức, hệ mở), để nhận được sự truyền đạt kiến thức văn hóa phổ thông hoặc kỹ thuật nghiệp vụ một cách có hệ thống trong một khoảng thời gian xác định.

Một người được hỏi mục này chỉ có thể thuộc một trong ba trường hợp: đang đi học, đã thôi học, hoặc chưa bao giờ đi học. Do vậy chỉ được khoanh vào một trong ba mã số "1", hoặc "2", hoặc "3".

Nếu ĐTĐT hiện *đang đi học phổ thông hoặc đang đi học cao đẳng, đại học hay trên đại học* thì ĐTV khoanh mã số "1", sau đó chuyển sang hỏi tiếp Câu hỏi 11.

Chú ý: Đối với những người đang đi học các trường/lớp công nhân kỹ thuật, sơ học và trung học chuyên nghiệp thì quy ước khoanh mã số 2 "đã thôi học";

Nếu ĐTĐT *hiện đã thôi học phổ thông hoặc chuyên nghiệp,* thì ĐTV khoanh mã số "2", sau đó chuyển sang hỏi tiếp Câu hỏi 11;

Nếu ĐTĐT *chưa bao giờ đi học phổ thông hay chuyên nghiệp* (chưa bao giờ đến trường) thì ĐTV khoanh mã số "3", sau đó chuyển sang hỏi Câu hỏi 12, mà không hỏi Câu hỏi 11.

Câu hỏi 11(*): Trình độ học vấn cao nhất mà (TÊN) đang học hoặc đã học xong là gì? (*câu này ĐTV phải hỏi theo quy trình phỏng vấn*)

Mục này chỉ hỏi cho những người đã khoanh mã số "1" hoặc "2" ở Câu hỏi 10.

Cách ghi như sau:

1. Khoanh mã số "1", đồng thời ghi *lớp phổ thông cao nhất đang học (hoặc đã học xong) và hệ phổ thông* cho những người đang đi học phổ thông hoặc đã thôi học phổ thông nhưng chưa bao giờ đi học các trường/lớp chuyên môn nghiệp vụ, và những người đang đi học hoặc đã tốt nghiệp ở các trường/lớp công nhân kỹ thuật, sơ học và trung học chuyên nghiệp.

- Lớp phổ thông: Đối với những *người đang đi học* thì ghi lớp mà người đó hiện đang học. Đối với những *người đã thôi học* thì ghi lớp học phổ thông cao nhất mà người đó đã học xong (đã được lên lớp hoặc đã tốt nghiệp). Đối với những người đang đi học hoặc đã tốt nghiệp ở các trường/lớp công nhân kỹ thuật, sơ học hoặc trung học chuyên nghiệp thì ghi lớp phổ thông cao nhất mà người đó đã đạt được (đã được lên lớp hoặc đã tốt nghiệp).

Đối với những người đang học dở dang một lớp phổ thông nào đó rồi bỏ học, những người đã học hết chương trình của một lớp nào đó nhưng không được lên lớp hoặc không đỗ tốt nghiệp, thì ghi lớp dưới lớp đó một lớp. Những người đang học dở dang lớp 1 hoặc không được lên lớp 2 mà bỏ học, thì quy ước ghi lớp "00"

Đối với những người đã học phổ thông ở nước ngoài thì ghi rõ lớp học và tên nước đó. Những người đã học ở các trường phổ thông do Pháp tổ chức trong thời kỳ trước giải phóng thì ghi rõ tên lớp đã học.

Chú ý: - Chỉ ghi lớp phổ thông vào dòng kẻ liền dành sẵn, bỏ trống 2 ô mã;
- Không được quy đổi lớp phổ thông để ghi vào phiếu (mã số viên sẽ quy đổi sau).

- Hệ phổ thông: Hệ phổ thông được lấy theo lớp cuối cấp 3 (phổ thông trung học)

mà một người phải học để hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông theo quy định chung tại thời điểm mà người đó đi học. Ở nước ta, cho đến nay có 2 hệ phổ thông chính là hệ 10 và hệ 12.

Một người khi đi học phổ thông thuộc hệ nào thì ghi số của hệ đó vào dòng kẻ liền dành sẵn bên cạnh, 2 ô mã để trống.

Đối với những người đã học phổ thông ở nước ngoài thì ghi rõ tên nước đó, hoặc ghi "Pháp thuộc" đối với những người theo học các trường phổ thông do Pháp tổ chức trong thời kỳ thuộc Pháp.

Một số ví dụ: - Một người trả lời là vào năm 1976 đã học xong lớp 7 hệ 10, nhưng chưa tốt nghiệp (thi trượt), thì ghi như sau:

Lớp P.T: *6* ☐☐
Hệ P.T: *10*

- Một người đã học xong lớp "đệ nhị niên" dưới thời Pháp thuộc, ghi như sau:

Lớp P.T: ***Đệ nhị niên***
Hệ P.T: ***Pháp thuộc*** ☐☐

- Một người đã học xong lớp 6 và được lên lớp 7, hệ 12 thì ghi như sau:

Lớp P.T: *6* ☐☐
Hệ P.T: *12*

- Một người khác trả lời là đang học lớp 10 hệ 12, thì ghi như sau:

Lớp P.T: *10* ☐☐
Hệ P.T: *12*

2. Khoanh mã số "2", hoặc "3", hoặc "4" tương ứng cho những người đang đi học hoặc đã tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học hoặc trên đại học.

Chú ý: Nếu 1 người đã có 1 hoặc nhiều bằng tốt nghiệp/chứng chỉ có trình độ từ cao đẳng trở lên, hiện đang tiếp tục theo học ở 1 trường/lớp cao đẳng, hoặc đại học, hoặc trên đại học nào đó thì ĐTV khoanh mã số tương ứng với trình độ cao nhất của họ đã đạt được hoặc đang theo học.

Ví dụ: Một người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, hiện đang theo học tại chức đại học luật thì khoanh mã số "3" ở Câu hỏi 11, và khoanh mã số "1" (đang đi học) cho câu hỏi 10

KIỂM TRA CÂU HỎI 11

ĐTV kiểm tra Câu hỏi 11. Nếu ở câu hỏi 11, mã số "1" được khoanh, và dòng "Lớp phổ thông" ghi từ lớp 5 trở lên; hoặc 1 trong các mã số "2" hoặc "3" hoặc "4" được khoanh, thì sẽ chuyển sang hỏi Câu hỏi 13, mà không hỏi Câu hỏi 12. Trường hợp ở dòng "Lớp phổ thông" đã ghi dưới lớp 5, thì tiếp tục hỏi Câu hỏi 12.

Câu hỏi 12: Hiện nay (TÊN) có biết đọc và biết viết không?

Câu hỏi này chỉ hỏi và ghi cho những người đã được khoanh mã số "3" ở Câu hỏi 10; và những người ở Câu hỏi 11, mã số "1" được khoanh, đồng thời, dòng "Lớp phổ thông" đã ghi dưới lớp 5.

Một người được coi là biết đọc và biết viết nếu người đó có thể đọc, viết và hiểu đầy đủ một câu đơn giản bằng chữ quốc ngữ, chữ dân tộc, hoặc chữ nước ngoài.

Những người chỉ biết đọc và viết các chữ số và tên của mình, hoặc chỉ biết đọc mà không biết viết, hoặc chỉ biết đọc và viết một câu đã thuộc lòng thì cũng coi là không biết đọc và biết viết. Không được coi là biết đọc và biết viết còn bao gồm những người trước đây đã đi học, nhưng vì lý do nào đó hiện không thể đọc và viết được nữa (tái mù).

Nếu ĐTĐT biết đọc và biết viết thì ĐTV khoanh mã số "1", nếu không biết đọc và biết viết, hoặc biết đọc mà không biết viết, hoặc biết viết mà không biết đọc, thì ĐTV khoanh mã số "2".

CÁC CÂU HỎI TỪ 13 ĐẾN 18: CHỈ HỎI NHỮNG NGƯỜI SINH TRƯỚC THÁNG 4/1986 (TỪ 13 TUỔI TRỞ LÊN) (*Đối với những người sinh năm 1986 nhưng không xác định được tháng sinh - mã "**" ở Câu hỏi 4, thì cũng phải hỏi các câu hỏi này*):

Câu hỏi 13(*): Trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao nhất mà (TÊN) đã đạt được là gì? (*câu này ĐTV phải hỏi theo quy trình phỏng vấn*)

Là trình độ chuyên môn/kỹ thuật cao nhất mà một người đã được công nhận chính thức hoặc đã tốt nghiệp trong các trường/lớp đào tạo chuyên môn/kỹ thuật ở trong nước hoặc nước ngoài, đào tạo chính quy hay kèm cặp. Một người chỉ có thể rơi vào một trong những trình độ sau:

a) Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật và không có bằng/chứng chỉ về CMKT: gồm những người chỉ làm được những công việc đơn giản (lao động phổ thông), hoặc những công việc đòi hỏi có kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn nhưng không có bất kỳ một bằng/chứng chỉ nào về chuyên môn/kỹ thuật/nghiệp vụ. Đối với cả hai loại nhân khẩu nói trên thì ĐTV khoanh mã số "1", sau đó chuyển sang hỏi Câu hỏi 15 mà không hỏi Câu hỏi 14.

b) Công nhân kỹ thuật (CNKT), nhân viên nghiệp vụ (NVNV) có bằng/chứng chỉ :

Là những người đã có bằng/chứng chỉ tốt nghiệp trong các trường lớp dạy nghề hoặc các trường lớp chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ dưới trình độ trung học chuyên nghiệp (ở trong nước và nước ngoài), không phân biệt bậc thợ được đào tạo cao hay thấp, thời gian đào tạo dài hay ngắn. Một người được xác định là công nhân kỹ thuật hoặc NVNV có bằng/chứng chỉ thì ĐTV khoanh mã số "2", sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 14.

Chú ý: - Đối với những người tuy không được đào tạo ở bất kỳ 1 trường/lớp CNKT hoặc chuyên môn nghiệp vụ nào, nhưng họ đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận có trình độ tay nghề nào đó, thì quy ước coi như họ đã có chứng chỉ xác nhận về trình độ tay nghề đối với công việc mà họ đang làm, và vì thế, họ cũng được khoanh mã số "2" ở Câu hỏi 13;

- Đối với những người đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận là nghệ nhân của 1 nghề nào đó, thì cũng coi họ đã được cấp bằng/chứng chỉ về tay nghề, và cũng được khoanh mã số "2" ở Câu hỏi 13.

- Đối với những người trước đây đi học ở các trường/lớp CNKT hoặc đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ (dưới trình độ trung học chuyên nghiệp), nhưng vì lý do nào đó, họ bỏ học nửa chừng hoặc trượt tốt nghiệp thì không coi họ là CNKT hoặc NVNV có bằng/chứng chỉ, và phải được khoanh mã số "1" ở Câu hỏi 13.

d) Trung học chuyên nghiệp: Là những người đã có bằng/chứng chỉ tốt nghiệp các trường đào tạo trung học chuyên nghiệp. Một người được xác định là có trình độ trung học chuyên nghiệp thì ĐTV khoanh mã số "3", sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 14.

e) Cao đẳng: Là những người đã có bằng/chứng chỉ tốt nghiệp các trường đào tạo bậc cao đẳng chuyên nghiệp. Một người được xác định là có trình độ cao đẳng thì ĐTV khoanh mã số "4", sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 14.

f) Đại học: Là những người đã có bằng tốt nghiệp các trường đào tạo bậc đại học. Một người được xác định là có trình độ đại học thì ĐTV khoanh mã số "5", sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 14.

g) Thạc sĩ/phó tiến sĩ/tiến sĩ: Là những người ***đã được cấp học vị*** thạc sĩ (master), phó tiến sĩ, tiến sĩ. Những người đã được bồi dưỡng thêm một số môn học sau đại học hoặc chỉ qua thực tập sinh sau đại học, thì không được tính là có trình độ thạc sĩ, phó tiến sĩ, tiến sĩ. Khi cần thiết, ĐTV có thể yêu cầu ĐTĐT cho xem văn bằng tốt nghiệp. Một người được xác định là có trình độ thạc sĩ/phó tiến sĩ/tiến sĩ thì ĐTV khoanh mã số "6", hoặc "7", hoặc "8" tương ứng, sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 14.

Đối với các trình độ chuyên môn kỹ thuật có bằng/chứng chỉ, nếu ĐTĐT có nhiều bằng/chứng chỉ ở các trình độ khác nhau, thì ĐTV ghi theo *văn bằng cao nhất* mà người

đó đã đạt được (hoặc chứng chỉ xác nhận tay nghề đối với công việc đang làm).

Để xác định đúng trình độ chuyên môn kỹ thuật cho ĐTĐT, khi phỏng vấn ĐTV cần tuân thủ theo "Quy trình phỏng vấn".

Câu hỏi 14: (TÊN) đã tốt nghiệp về ngành, nghề gì?

Mục này chỉ hỏi và ghi cho những người đã được khoanh một trong các mã số "2", "3", "4", "5", "6", "7", hoặc "8" ở Câu hỏi 13.

Ngành, nghề mà ĐTĐT đã tốt nghiệp là tên ngành, nghề đã được ghi trong văn bằng/chứng chỉ/học vị mà ĐTĐT đã được cấp và đã khai ở Câu hỏi 13.

ĐTV cần ghi đúng tên ngành, nghề như đã được ghi trong văn bằng mà ĐTĐT đã được đào tạo vào 2 dòng kẻ liền dành sẵn và để trống 4 ô mã bên cạnh. Ví dụ: một người khai chuyên ngành đã được đào tạo là "điện xí nghiệp" thì ghi như sau:

14. (TÊN) đã tốt nghiệp về ngành, nghề gì?	***Điện xí nghiệp*** (Ghi cụ thể)	☐☐☐☐

Chú ý: - Nếu 1 người có nhiều bằng/chứng chỉ khác nhau nhưng có cùng trình độ, thì ghi ngành/nghề đào tạo mà hiện họ đang làm. Trường hợp hiện họ không làm bất cứ nghề nào mà họ đã được đào tạo thì quy ước ghi ngành/nghề mà họ thích nhất, hoặc ngành/nghề họ làm trước khi nghỉ hưu (nếu người đó đã nghỉ hưu), hoặc ngành/nghề mà họ đã làm trước khi thôi không làm các ngành/nghề mà họ đã được đào tạo.

- Đối với những người tuy chưa qua đào tạo chính quy, song đã được cấp có thẩm quyền cấp bằng/chứng chỉ công nhận trình độ tay nghề của họ, thì quy ước ghi "ngành nghề đào tạo" là ngành nghề mà họ đã được cấp bằng/chứng chỉ đó.

Câu hỏi 15: Tình trạng hôn nhân hiện nay của (TÊN) thế nào?

Tình trạng hôn nhân của một người chỉ có thể thuộc một trong 5 loại sau đây:

(1) Chưa vợ/chồng: là những người chưa bao giờ lấy vợ (hoặc lấy chồng) và chưa bao giờ chung sống với một người khác giới như vợ chồng.

Chú ý: Một số người chưa vợ/chồng nhưng có thể đã có con.

(2) Có vợ/chồng: là những người đã được luật pháp hoặc phong tục, tập quán của địa phương thừa nhận là đang có vợ (hoặc có chồng), hoặc đang chung sống với người khác giới như vợ chồng.

(3) Góa: là những người mà vợ (hoặc chồng) của họ đã bị chết và hiện tại người đó chưa

tái kết hôn. Một người có từ hai vợ (hoặc hai chồng) trở lên mà chỉ có một vợ (hoặc một chồng) của họ bị chết, thì không coi người đó là "góa" mà phải tính họ là người đang "có vợ/chồng".

(4) Ly hôn: là những người trước đây đã có vợ/chồng, nhưng vì lý do nào đó, họ đã được pháp luật cho ly hôn và hiện tại họ chưa tái kết hôn.

(5) Ly thân: là những người về danh nghĩa thì họ đang có vợ/chồng, nhưng vì lý do nào đó hiện tại họ không sống với nhau như vợ chồng.

Chú ý: Cần phân biệt giữa những người sống ly thân và những người sống xa vợ/chồng, như: đi công tác, làm ăn xa nhà trong một thời gian dài. Những người này vẫn thuộc nhóm "có vợ/có chồng".

Câu hỏi 16: Trong 12 tháng qua, (TÊN) đã làm loại công việc gì với thời gian nhiều nhất?

Việc làm: là mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập, không bị pháp luật ngăn cấm.

Người có việc làm: gồm những người sau:

- Hiện đang làm việc được trả lương, trả công bằng tiền hoặc hiện vật (làm thuê);
- Những người tự tổ chức, thực hiện công việc làm để kiếm lợi nhuận hoặc thu nhập cho bản thân và gia đình (tự làm-làm chủ);
- Những người tham gia các công việc sản xuất kinh doanh của gia đình không nhận tiền lương, tiền công (lao động trong hộ gia đình);
- Những người thực tế đã làm việc, nhưng hiện tại đang tạm nghỉ vì ốm đau, nghỉ đẻ, nghỉ phép, nghỉ do máy móc thiết bị hỏng, nghỉ do thiếu vật tư, sắp xếp lại tổ chức, v. v...;

Loại công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng trước thời điểm điều tra của một người chỉ có thể rơi vào 1 trong 5 trường hợp sau đây:

1) Làm việc: gồm những người có thời gian làm việc để tạo ra thu nhập chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà người đó tham gia trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, không kể thời gian người đó làm việc được bao lâu. Một người được xác định là "làm việc" thì ĐTV khoanh mã số "1".

Ví dụ: - Một người trả lời các loại công việc của mình trong 12 tháng trước thời điểm điều tra như sau: đi học 4 tháng, đi xin việc 3 tháng, 5 tháng đi làm thợ xây. Vậy, người đó được xác định là "làm việc", vì trong 12 tháng qua, trong số những loại công việc mà người đó tham gia, thì thời gian làm thợ xây chiếm nhiều thời gian nhất.

- Một người khác trả lời, các loại công việc mà họ đã tham gia trong 12 tháng trước thời điểm điều tra như sau: nằm bệnh viện 4 tháng, làm các công việc nội trợ cho gia đình 3 tháng, đi làm thuê các công việc nông nghiệp 2 tháng, bán hàng ăn 3 tháng, thì người đó cũng được xác định là "làm việc", vì trong trong 12 tháng qua, tổng số thời gian người đó làm việc là 5 tháng (2 tháng làm thuê + 3 tháng bán hàng ăn), lớn hơn thời gian nằm bệnh viện hoặc thời gian làm nội trợ.

2) Nội trợ: gồm những người có thời gian làm các công việc nội trợ cho gia đình chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà người đó đã tham gia trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. Một người được xác định là "nội trợ" thì ĐTV khoanh mã số "2". Sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo (nếu là địa bàn điều tra toàn bộ), hoặc chuyển sang hỏi Câu hỏi 19 (nếu là địa bàn điều tra mẫu), mà không hỏi các Câu hỏi 17 và 18.

Chú ý: Nếu thời gian làm các công việc nội trợ của một người mà được trả công bằng tiền hoặc hiện vật thì không được tính là thời gian làm "nội trợ", mà phải tính vào thời gian làm việc, để xét họ được khoanh vào mã số nào đó thích hợp.

3) Đi học: gồm những người có thời gian đi học (tại các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp, trường dạy nghề hoặc các trường/lớp khác được Nhà nước công nhận) chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà người đó đã tham gia trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. Một người được xác định là "đi học" thì ĐTV khoanh mã số "3". Sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo (nếu là địa bàn điều tra toàn bộ), hoặc chuyển sang hỏi Câu hỏi 19 (nếu là địa bàn điều tra mẫu), mà không hỏi các Câu hỏi 17 và 18.

4) Mất khả năng lao động: gồm những người có thời gian không làm bất kỳ một loại công việc gì (vì điều kiện sức khỏe và/hoặc tinh thần như ốm đau, tàn tật, v.v...) chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà người đó tham gia trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. Một người được xác định là "mất khả năng lao động" thì ĐTV khoanh mã số "4". Sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo (nếu là địa bàn điều tra toàn bộ), hoặc chuyển sang hỏi Câu hỏi 19 (nếu là địa bàn điều tra mẫu), mà không hỏi các Câu hỏi 17 và 18.

5) Không làm việc: Gồm những người có thời gian không làm bất cứ 1 loại công việc gì chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà người đó tham gia trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. Được tính là "không làm việc" còn bao gồm những người trong 12 tháng qua, họ chỉ làm các công việc không được pháp luật thừa nhận.

Một người được xác định là "không làm việc", thì ĐTV sẽ dùng câu hỏi phụ để xác định trong 12 tháng qua, người đó có nhu cầu làm việc không. Nếu người đó trả lời là "có" thì ĐTV khoanh mã số "5" (thất nghiệp). Sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo (nếu là địa bàn điều tra toàn bộ), hoặc chuyển sang hỏi Câu hỏi 19 (nếu là địa bàn điều tra mẫu), mà không hỏi các Câu hỏi 17 và 18. Trường hợp người đó trả lời là không thì ĐTV khoanh mã số "6" (tình trạng khác). Sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo (nếu

là địa bàn điều tra toàn bộ), hoặc chuyển sang hỏi Câu hỏi 19 (nếu là địa bàn điều tra mẫu), mà không hỏi các Câu hỏi 17 và 18.

Chú ý: Nếu một người trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, có thời gian làm 2 loại công việc bằng nhau, và là 2 loại công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong các loại công việc mà người đó đã làm thì giải quyết như sau:

- Nếu một trong hai loại công việc đó thuộc loại "làm việc" và loại công việc thứ hai thuộc 1 trong số các loại công việc có mã số từ "2" đến "6", thì xếp người đó vào loại "làm việc". Ví dụ: ông Hoàng trả lời trong 12 tháng qua, làm ruộng 5 tháng, làm các công việc nội trợ gia đình 5 tháng, không làm việc 2 tháng. Theo quy định trên, ông Hoàng được xếp vào loại "làm việc" (khoanh mã số "1")

- Nếu hai loại công việc đó thuộc 2 trong số các mã số từ "2" đến "6", thì xếp người đó vào loại có mã số nhỏ hơn. Ví dụ: anh Cường trả lời trong 12 tháng qua, đi học 6 tháng, 6 tháng đi tìm việc nhưng vẫn chưa tìm được việc làm. Theo quy định trên, anh Cường được xếp vào loại "đi học" (khoanh mã số "3"), mà không xếp anh Cường vào loại "thất nghiệp" (không khoanh mã số "5").

Câu hỏi 17: Trong 12 tháng qua (TÊN) đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (nếu có)?

Câu này chỉ hỏi cho những người đã được khoanh mã số "1" ở Câu hỏi 16.

Công việc chính trong 12 tháng qua là tên công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong tổng số thời gian làm các công việc để có thu nhập của một người trong 12 tháng trước thời điểm điều tra.

Cách ghi: ĐTV phải ghi rõ ***tên công việc*** mà ĐTĐT đã làm (công việc chiếm nhiều thời gian nhất) trong 12 tháng trước thời điểm điều tra và ***chức vụ*** (nếu có) gắn liền với *tên công việc* đó mà ĐTĐT đã làm trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, **không được ghi chung chung như: "làm rẫy", "công nhân", "cán bộ", "viên chức", "làm thuê", "giáo viên"**, v.v.... Ba ô mã để trống.

Một số ví dụ:

- Một người khai công việc chính trong 12 tháng qua là thợ nề thì ghi như sau:

17. Trong 12 tháng qua (TÊN) đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (nếu có)? *Thợ nề* ☐☐☐

(Ghi cụ thể)

- Một người khai công việc chính trong 12 tháng qua là kéo sợi, và giữ chức vụ quản đốc phân xưởng kéo sợi thì ghi như sau:

17. Trong 12 tháng qua (TÊN) đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (nếu có)? *Quản đốc phân xưởng kéo sợi*

(Ghi cụ thể) ☐☐☐

- Một người khai công việc chính trong 12 tháng qua là làm công tác tổ chức, và giữ chức vụ trưởng phòng thì ghi như sau:

17. Trong 12 tháng qua (TÊN) đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (nếu có)? *Trưởng phòng tổ chức*

(Ghi cụ thể) ☐☐☐

Chú ý: - Đối với những người là lãnh đạo trong các cơ quan, xí nghiệp, và những người làm công tác Đảng, đoàn thể (hưởng lương chuyên trách), thì ghi chức vụ của họ kèm theo tên cơ quan, xí nghiệp, cấp bộ Đảng, đoàn thể mà hiện họ đang giữ chức vụ đó, như: Giám đốc xí nghiệp bánh kẹo Hà Nội, giám đốc tổng công ty lắp máy Việt Nam, trưởng phòng thống kê huyện, chủ tịch huyện, bí thư tỉnh uỷ, chủ tịch liên đoàn lao động tỉnh, chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ huyện, v.v....

- Đối với những người vừa làm công tác chuyên môn, vừa kiêm tham gia công tác của các tổ chức Đảng, đoàn thể (bán chuyên trách-không hưởng lương kiêm nhiệm) thì ghi công việc chính của họ là công tác chuyên môn và chức vụ của công tác chuyên môn đó (nếu có), mà không ghi chức vụ của công tác kiêm nhiệm mà người đó hiện đang giữ. Ví dụ:

+ Một người vừa làm trưởng phòng tổ chức của Cục thống kê vừa là bí thư Đảng bộ Cục thống kê (kiêm nhiệm-không hưởng lương), thì ghi công việc chính của người này là "***Trưởng phòng tổ chức***";

+ Một người vừa trồng lúa và là bí thư chi bộ thôn (kiêm nhiệm-không hưởng lương hoặc chỉ hưởng phụ cấp do xã/phường đài thọ), thì ghi công việc chính của người này là "***Trồng lúa***";

Đối với những người vừa tham gia công tác ở xã/phường, vừa làm các công việc khác để có thu nhập, đồng thời cả hai công việc đều không chuyên trách (chẳng hạn một người vừa là trưởng thôn, vừa làm cộng tác viên công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình), thì căn cứ vào công việc nào chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng qua để ghi chức danh và công việc chính cho họ (trong ví dụ này, nếu người đó làm cộng tác viên dân số với thời gian nhiều hơn, thì ĐTV ghi là "cộng tác viên dân số").

Đối với những người làm nghề tôn giáo, thì ghi rõ chức sắc của họ. Ví dụ: hòa thượng, giám mục, cả chùa, giáo sĩ, mục sư, tiểu, sãi, v.v....

Câu hỏi 18:

Tương tự như Câu hỏi 17, Câu hỏi 18 chỉ hỏi cho những người đã được khoanh mã số "1" ở Câu hỏi 16.

Câu hỏi 18.a: (TÊN) làm việc cho Nhà nước hay tổ chức kinh tế-xã hội nào?

Một người được xác định là "làm việc" (đã khoanh mã số "1" ở câu hỏi 16), và đã trả lời công việc chính ở Câu 17, chỉ có thể làm cho 1 trong 6 loại tổ chức kinh tế-xã hội sau:

(1) Nhà nước: gồm tất cả các cơ quan, đơn vị, và doanh nghiệp Nhà nước do trung ương và địa phương quản lý. Cụ thể là:

- Các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp của Nhà nước;
- Các tổ chức Đảng, đoàn thể, hiệp hội của Nhà nước;
- Các doanh nghiệp Nhà nước được thành lập hoàn toàn do nguồn vốn trong nước và hoạt động theo điều lệ hoặc luật doanh nghiệp Nhà nước;
- Các liên doanh mà các bên tham gia đều là doanh nghiệp Nhà nước.
- Các liên doanh mà 1 bên là 1 hoặc nhiều đơn vị thuộc thành phần kinh tế Nhà nước Việt Nam với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Một người được xác định là làm công việc chính cho Nhà nước thì khoanh mã số "1".

(2) Tập thể: gồm các tổ chức kinh tế (thường gọi là hợp tác xã) được thành lập trên cơ sở tự nguyện góp vốn sản xuất kinh doanh và sự tham gia lao động trực tiếp của các thành viên (thường gọi là xã viên) theo luật hợp tác xã quy định. Thành phần kinh tế tập thể bao gồm:

- Các hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, mua bán dịch vụ, v.v...;
- Các tập đoàn sản xuất hoạt động theo nguyên tắc giống như HTX;
- Liên doanh, liên kết giữa các đơn vị kinh tế tập thể với nhau;
- Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở góp vốn của các hộ công nhân viên chức thuộc các cơ quan, đoàn thể và các tổ chức hiệp hội;
- Các liên doanh giữa một bên là 1 hoặc nhiều đơn vị thuộc thành phần kinh tế tập thể Việt Nam với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Một người được xác định là làm công việc chính cho thành phần kinh tế tập thể thì khoanh mã số "2".

(3) Tư nhân: gồm các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp tư nhân (DNTN). DNTN là đơn vị kinh doanh có mức vốn không thấp hơn vốn pháp định, do 1 cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Một DNTN phải có:
- Tên doanh nghiệp, con dấu (phải có ký hiệu DNTN), tài khoản riêng;
- Địa chỉ, nơi giao dịch chính;
- Có đăng ký ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thành phần kinh tế tư nhân còn bao gồm các liên doanh giữa 1 bên là 1 hoặc nhiều đơn vị thuộc thành phần kinh tế tư nhân Việt Nam với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Những người chủ và các nhân công làm thuê cho doanh nghiệp tư nhân đều được xếp vào "Thành phần kinh tế tư nhân" và được khoanh mã số "3"

(4) Cá thể: gồm các hộ sản xuất/kinh doanh nhỏ trực tiếp tham gia lao động sản xuất, chưa đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp tư nhân, tự tổ chức dưới hình thức kinh tế hộ gia đình, cá thể, tiểu chủ.

Một người được xác định thuộc "Thành phần kinh tế cá thể" thì ĐTV khoanh mã số "4", sau đó chuyển sang hỏi người tiếp theo (nếu là ĐBĐT toàn bộ), hoặc chuyển đến hỏi Câu 19 mà không hỏi 2 Câu hỏi 18.b và 18.c (nếu là ĐBĐT mẫu).

(5) Hỗn hợp: gồm các đơn vị kinh tế được thành lập trên cơ sở liên doanh của các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế khác nhau và dẫn đến thành lập các doanh nghiệp theo luật công ty (cụ thể là công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn).

Một công ty phải có: Tên, con dấu (phải có ký hiệu: công ty cổ phần hoặc công ty TNHH); trụ sở giao dịch.

Thành phần kinh tế hỗn hợp bao gồm:

- Các công ty cổ phần;
- Các công ty TNHH;
- Các liên doanh giữa 1 bên là 1 hoặc nhiều đơn vị thuộc thành phần kinh tế hỗn hợp của Việt Nam với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Một người làm việc cho đơn vị thuộc "Thành phần kinh tế hỗn hợp" thì ĐTV khoanh mã số "5".

(6) Nước ngoài: bao gồm các đơn vị :

- Các doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài;
- Các văn phòng đại diện của các hãng, công ty, doanh nghiệp nước ngoài;
- Các tổ chức nước ngoài, quốc tế.

Một người làm việc cho đơn vị thuộc thành phần kinh tế "Nước ngoài" thì ĐTV khoanh mã số "6".

Câu hỏi 18.b): Tên cơ quan, đơn vị nơi (TÊN) làm việc là gì?

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người đã được khoanh mã "1", hoặc "2", hoặc "3", hoặc "5", hoặc "6" ở Câu 18.a.

Tên cơ quan, đơn vị làm việc là tên đơn vị nơi ĐTĐT trực tiếp làm việc và đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có) của đơn vị đó.

ĐTV ghi tên cơ quan, đơn vị làm việc của ĐTĐT vào ba dòng kẻ liền dành sẵn.

Ví dụ 1: Một người khai là làm việc tại phân xưởng dệt, nhà máy dệt 8-3 thì ghi như sau:

18.b) Tên cơ quan, đơn vị nơi (TÊN) làm việc là gì?	b) ***Phân xưởng dệt, Nhà máy dệt 8-3***

Ví dụ 2: Một người khai đơn vị làm việc là phòng khoa học thống kê, Viện khoa học Thống kê thuộc Tổng cục Thống kê thì ghi như sau:

18.b) Tên cơ quan, đơn vị nơi (TÊN) làm việc là gì?	b) ***Phòng khoa học thống kê Viện khoa học Thống kê***

Ví dụ 3: Một người khai là làm việc tại Trung tâm bảo hành và sửa chữa dụng cụ điện, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Việt, thì ghi như sau:

18.b) Tên cơ quan, đơn vị nơi (TÊN) làm việc là gì?	b) ***Trung tâm bảo hành và sửa chữa dụng cụ điện, Công ty TNHH Đại Việt***

18.c): Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi (TÊN) làm việc là gì?

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những người đã có thông tin trả lời ở Câu 19.b.

Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị là công việc chính mà cơ quan/đơn vị đó được ngành chủ quản hoặc được cấp có thẩm quyền giao cho. Nhiệm vụ chính của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thường gắn liền với sản phẩm hoặc dịch vụ chủ yếu của đơn vị đó.

ĐTV ghi nhiệm vụ chính của đơn vị nơi ĐTĐT làm việc vào hai dòng kẻ liền dành sẵn, ba ô mã để trống. Ví dụ: Một người khai nhiệm vụ chính của đơn vị nơi họ làm việc là sản xuất xi măng, thì ghi như sau:

18.c) Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi (TÊN) làm việc là gì? c) *Sản xuất xi măng*

Ngành KTQD ☐☐☐

HƯỚNG DẪN CÁCH HỎI VÀ GHI CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU TRA MẪU SINH, CHẾT

(Phần hướng dẫn này dành riêng cho ĐTV phụ trách các địa bàn điều tra mẫu về sinh, chết)

CÁC CÂU HỎI 19 VÀ 20: CHỈ HỎI NHỮNG PHU NỮ SINH TỪ THÁNG 4/1949 ĐẾN THÁNG 3/1984 (TỪ 15 ĐẾN 49 TUỔI) *(Đối với những phụ nữ sinh năm 1949 và năm 1984, nếu không xác định được tháng sinh - mã "**" ở Câu hỏi 4, thì cũng phải hỏi các câu hỏi này)*:

Do đối tượng phỏng vấn là phụ nữ, vì vậy ĐTV của các địa bàn điều tra mẫu nên chọn nữ (tốt nhất là phụ nữ đã từng có chồng).

Câu hỏi 19(*): *(Câu này ĐTV phải hỏi theo quy trình phỏng vấn)*

Để thu được chính xác về lịch sử sinh sản của người phụ nữ, ĐTV phải gặp và hỏi trực tiếp người phụ nữ là ĐTĐT, không được hỏi gián tiếp thông qua những người khác trong hộ. Trước khi hỏi các mục a, b, c, d, ĐTV phải đọc đoạn mở đầu "Bây giờ tôi muốn hỏi..... Xin bà/chị cho biết:".

Câu hỏi 19.a): Số con hiện đang sống với bà/chị?

Số con hiện đang sống với ĐTĐT là số con do chính ĐTĐT sinh ra, đồng thời đã được xác định là nhân khẩu TTTT trong cùng một hộ với người mẹ, không phân biệt người con đó là con trong gía thú hay ngoài gía thú, con với người chồng hiện tại hay với người chồng trước, nhưng không được tính con nuôi, hay con riêng của người chồng. ĐTV ghi số con hiện đang sống với ĐTĐT lên dòng kẻ liền dành sẵn ở mục a). Ví dụ: Một người khai số con do chính mình sinh ra hiện đang cùng sống trong cùng một hộ là 3 thì ghi như sau:

19.a) Số con hiện đang sống với bà/chị? a) *03*

19.b) Số con hiện đang sống ở nơi khác?

Số con hiện đang sống ở nơi khác là số con do chính ĐTĐT sinh ra nhưng hiện nay (tại thời điểm điều tra) chúng không cư trú trong cùng một hộ với ĐTĐT, như:

những người con đẻ (con ruột) của ĐTĐT đã về ở nhà chồng, ở rể nhà vợ, đã tách ra thành 1 hộ riêng, đi công tác xa, đi làm con nuôi cho người khác, v. v... ĐTV ghi số con hiện đang sống ở nơi khác lên dòng kẻ liền dành sẵn ở mục này.

19.c) Số con đã chết?

Số con đã chết là *số "con sinh ra sống"* do chính ĐTĐT sinh ra nhưng đã chết trước thời điểm điều tra. Vậy *"số con sinh ra sống"* là gì?

Số con sinh ra sống của một người phụ nữ là toàn bộ số con do chính người phụ nữ đó đã sinh ra sống (tức là khi sinh ra đứa trẻ đã có ít nhất một trong các biểu hiện còn sống, như: khóc, thở, tim còn đập, cuống nhau rung động, v.v...) tính đến thời điểm điều tra (không kể những cái thai chết lưu-chết từ trong bụng mẹ), không phân biệt là con trong hay ngoài gía thú, con của người chồng hiện tại hay con của người chồng trước, hiện tại (tại thời điểm điều tra) người con đó còn sống hay đã chết, không phân biệt người con đó hiện có đang ở trong cùng một hộ với ĐTĐT hay đang cư trú tại nơi khác. ĐTV ghi số con sinh ra sống của ĐTĐT nhưng đã chết trước thời điểm điều tra vào 2 ô mã dành sẵn tương ứng với dòng 19.c.

19.d) Tổng số con do bà/chị đã sinh?

Sau khi hỏi các mục 19.a, 19.b, 19.c, ĐTV phải hỏi ĐTĐT về tổng số con sinh ra sống của ĐTĐT tính đến thời điểm điều tra. Sau đó, so sánh câu trả lời của ĐTĐT với tổng các kết quả đã ghi ở các Câu 19.a, 19.b, và 19.c, nếu trùng nhau thì ĐTV ghi tổng số con đó vào hai ô mã dành sẵn, trường hợp câu trả lời của ĐTĐT về tổng số con sinh ra sống của mình không trùng với tổng 19.a + 19.b + 19.c thì ĐTV cần hỏi thêm để xác định lại và sửa cho khớp. *ĐTV không được cộng một cách máy móc các kết quả đã ghi ở các mục 19.a, 19.b, 19.c để ghi cho mục này.*

Chú ý: + Nếu có câu trả lời ở một trong các mục a, b, c, d là "không", thì ĐTV chỉ việc ghi số "00" vào dòng kẻ liền hoặc vào các ô mã dành sẵn tương ứng.

+ Nếu ĐTĐT chưa sinh lần nào (ghi mã "00" ở mục 19.d), thì ĐTV bỏ qua Câu hỏi 20 và chuyển đến hỏi người tiếp theo, nếu trong hộ không còn ai, thì chuyển sang hỏi về các trường hợp chết của hộ.

Câu hỏi 20: VỀ LẦN SINH CUỐI CỦA ĐTĐT

Câu này chỉ hỏi và ghi cho những phụ nữ có tổng số con đã sinh được ghi ở mục 19.d khác "00".

Lần sinh cuối (còn gọi là *"lần sinh gần nhất"*) của ĐTĐT là lần sinh gần với thời điểm điều tra nhất của ĐTĐT, đã cho kết quả là một (hoặc trên 1 nếu đó là sinh đôi/sinh ba) đứa trẻ sinh ra sống, không phân biệt đứa trẻ đó tại thời điểm điều tra còn sống hay đã chết.

Một phụ nữ mới sinh lần đầu thì lần sinh đó cũng được tính là "*lần sinh cuối*".

20.a) Tháng, năm (*dương lịch*) của lần sinh gần nhất?

Quy trình hỏi cho mục này hoàn toàn giống như quy trình hỏi của Câu hỏi 4 (tháng, năm sinh theo dương lịch của từng nhân khẩu TTTT). Tuy nhiên, ĐTV không được ghi mã "**" cho tháng sinh của lần sinh cuối như đã quy định ở câu hỏi 4, mà phải ghi được tháng sinh cho mục này (dù chỉ là ước tính).

ĐTV ghi tháng sinh của lần sinh gần nhất vào hai ô mã dành sẵn ở dòng "THÁNG". Nếu tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số "0" vào ô mã bên trái. Ghi hai chữ số cuối cùng của năm sinh vào hai ô mã ở dòng "NĂM".

20.b) Lần này bà/chị sinh con trai hay con gái?

ĐTV ghi (số) con trai và (số) con gái sinh ra sống thuộc lần sinh gần nhất của ĐTĐT vào 2 ô mã dành sẵn tương ứng (nếu "sinh một" thì chỉ có 1 con trai hoặc 1 con gái). Nếu là "0" thì cũng phải ghi số "0" vào ô mã tương ứng mà không được bỏ trống ô mã. Ví dụ: một phụ nữ khai trong lần sinh cuối của mình đã sinh được hai người con trai (sinh đôi) thì ghi như sau:

b) Lần này bà/chị sinh con trai hay con gái?	b) (SỐ) CON TRAI	*2*
	(SỐ) CON GÁI	*0*

20.c) Hiện cháu còn sống không?

ĐTV ghi các trường hợp sinh ra sống thuộc lần sinh gần nhất đã chết trước thời điểm điều tra vào các ô mã tương ứng. Ví dụ: một phụ nữ khai trong lần sinh cuối của mình đã sinh được một người con trai và một người con gái (sinh đôi) nhưng cháu trai đã bị chết sau khi sinh được 3 tháng, nay chỉ còn cháu gái, thì ghi như sau:

c) Hiện cháu còn sống không?	c) (SỐ) CON TRAI ĐÃ CHẾT	*1*
	(SỐ) CON GÁI ĐÃ CHẾT	*0*

SỐ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ TỪ NGÀY 30 TẾT MẬU DẦN NĂM NGOÁI (VÀO 27/1/1998) ĐẾN NAY (CÂU HỎI 1 ĐẾN CÂU HỎI 6)

Mục này được hỏi chung cho cả hộ. Phiếu được thiết kế để ghi cho những hộ có tối đa là 8 người chết. Trường hợp 1 hộ có từ 9 người chết trở lên, ĐTV phải sử dụng tập phiếu thứ hai để ghi tiếp. Trường hợp chết cả hộ thì ghi câu "**Trường hợp chết cả hộ**" ở trang bìa của tập phiếu bên dưới dòng "Điều tra mẫu"

Để thu thập được chính xác thông tin về số người chết của hộ, ĐTV cần hỏi trực tiếp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ: "*Từ 30 tết Mậu Dần năm ngoái (vào 27/1/1998 dương lịch) đến nay, trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không*?".

Các thông tin về tử vong của dân số thường rất khó thu thập, đặc biệt là đối với các thông tin về chết trẻ em và chết sơ sinh. Vì vậy, muốn thu thập được đầy đủ, chính xác các thông tin này, ĐTV phải khéo đặt ra những câu hỏi thăm dò để hỏi sâu.

Câu hỏi 1: Từ ngày 30 tết Mậu Dần năm ngoái đến nay (vào 27/1/1998 dương lịch), trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không?

Nếu câu trả lời là "có" thì ĐTV khoanh mã số "1", sau đó hỏi hỏi tiếp Câu 2. Nếu câu trả lời là "không", thì ĐTV cần đặt thêm các câu hỏi phụ để xác định chính xác số trẻ chết sơ sinh trước khi khoanh mã số "2". Trường hợp hộ không có ai bị chết trong khoảng thời gian nói trên, thì ĐTV khoanh mã số "2", và chuyển sang hỏi Phần II để thu thập các thông tin về nhà ở.

CÁC THÔNG TIN VỀ TỪNG NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ

Câu hỏi 2: Họ và tên của (từng) người chết?

ĐTV ghi rõ họ và tên của (từng) người chết bằng chữ in có dấu vào dòng kẻ liền dành sẵn tương ứng. Trường hợp nếu có đứa trẻ nào đó bị chết khi chưa kịp đặt tên, ĐTV ghi họ của người bố (hoặc mẹ) kèm theo ba dấu chấm (. . .).

Câu hỏi 3: (TÊN) là nam hay nữ?

ĐTV hỏi và khoanh mã số "1" nếu người chết là "nam", hoặc mã số "2" nếu người chết là "nữ".

Câu hỏi 4: (TÊN) chết vào tháng, năm dương lịch nào?

ĐTV hỏi và ghi tháng chết vào hai ô mã dành sẵn tương ứng (nếu tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ĐTV ghi số "0" vào ô mã bên trái); ghi chữ số cuối cùng của năm chết vào ô mã dành sẵn tương ứng (số 8 hoặc 9).

Câu hỏi 5: (TÊN) sinh vào tháng, năm dương lịch nào?

Để thu thập thông tin về tháng, năm sinh của từng người chết, ĐTV phải sử dụng *quy trình phỏng vấn* và cách ghi tương tự như Câu hỏi 4. ĐTV ghi tháng sinh của người chết vào 2 ô mã dành sẵn tương ứng với dòng tháng sinh, ghi 3 chữ số cuối của năm sinh vào 3 ô mã tương ứng với dòng năm sinh. Trường hợp không nhớ tháng sinh của người chết thì ghi mã "**" vào 2 ô mã tương ứng với dòng tháng sinh (mỗi ô mã 1 dấu "*"). Trường hợp không nhớ năm sinh của người chết thì để trống 3 ô mã thuộc dòng "NĂM

SINH", sau đó chuyển sang hỏi tiếp Câu hoi 6.

KIỂM TRA CÂU HỎI 5: ĐTV kiểm tra Câu hỏi 5, nếu:

- Nhớ được cả tháng và năm sinh, hoặc chỉ nhớ được năm sinh của người chết, thì chuyển sang hỏi về người chết tiếp theo. Nếu trong hộ không còn ai chết nữa, thì chuyển sang hỏi các thông tin về nhà ở của hộ.
- Không nhớ được năm sinh của người chết (để trống 3 ô mã ở dòng năm sinh), thì chuyển sang hỏi tiếp Câu hỏi 6.

Câu hỏi 6: Khi chết (TÊN) đã được bao nhiêu tuổi ?

Câu hỏi 6 chỉ được hỏi khi Câu hỏi 5 không xác định được năm sinh. ĐTV phải hỏi để xác định và ghi số tuổi tròn (không tính tuổi mụ) của người chết và không được bỏ trống hoặc ghi "không xác định" vào dòng kẻ liền dành sẵn tương ứng cho câu hỏi này. Trường hợp dùng mọi cách mà người trả lời không xác định được chính xác số tuổi tròn của người chết, thì cũng phải ước lượng được tuổi của người đó khi chết để ghi cho câu hỏi này (xem hướng dẫn Câu hỏi 4).

Lưu ý:

Trong thời gian từ Tết năm Mậu Dần (ngày 27/1/1998 dương lịch) đến hết tháng 3/1999, nếu phát hiện trong địa bàn có những trường hợp chết cả hộ, thì ĐTV phải hỏi gián tiếp (như thông qua cán bộ chủ chốt ở địa phương, người thân thích của người chết, hoặc thông qua giấy tờ quản lý hộ tịch, hộ khẩu ở địa phương) để ghi cho toàn bộ những người chết của hộ đó vào các Câu hỏi từ 1 đến 6 (phần "các thông tin về từng người chết của hộ"), bỏ trống các câu hỏi còn lại. Trang bìa của tập phiếu chỉ ghi phần định danh. Từ mục "Hộ số" đến mục "Tổng số nữ" bỏ trống. Dòng "Chủ hộ ký tên" dành cho người trả lời ký. Bên dưới dòng "Điều tra mẫu" của trang bìa ghi rõ "*Trường hợp chết cả hộ*"

PHẦN II: ĐIỀU TRA NHÀ Ở

1. Phạm vi, đối tượng, đơn vị và phương pháp điều tra

***a) Phạm vi, đối tượng điều tra*:** Bao gồm toàn bộ các nơi ở mà các hộ hiện đang dùng để ở tại thời điểm điều tra.

Không điều tra những ngôi nhà tuy được xây dựng với mục đích dùng để ở, nhưng tại thời điểm điều tra chưa được sử dụng để ở (quỹ dự trữ nhà ở).

b) Đơn vị điều tra: Là đơn vị nhà ở.

Đơn vị nhà ở là một ngôi nhà/căn hộ độc lập và riêng biệt về mặt cấu trúc, hiện đang được một hay nhiều hộ dùng để ở tại thời điểm điều tra.

Đơn vị nhà ở được xác định căn cứ vào cột 1 "số thứ tự nhà" trên "Bảng kê số nhà, số hộ, số người".

Trường hợp hộ có nhiều nơi ở: sẽ điều tra nhà ở của hộ đó, tại nơi mà hộ đó được xác định là TTTT.

c) Phương pháp điều tra: Là phương pháp phỏng vấn, kết hợp với sự quan sát ngôi nhà/căn hộ của hộ. Việc phỏng vấn và ghi các chỉ tiêu điều tra nhà ở do ĐTV tiến hành ngay sau khi kết thúc phần phỏng vấn và ghi các chỉ tiêu điều tra dân số.

2. Cách hỏi và ghi các chỉ tiêu điều tra nhà ở

Câu hỏi 1: Hộ ông/bà có nhà để ở không?

ĐTV phải hỏi chủ hộ để xác định hộ có nhà ở không.

- ***Hộ có nhà ở:*** bao gồm các hộ có nhà để ở, không phân biệt ngôi nhà đó thuộc loại nhà nào, được xây dựng khi nào, và thuộc quyền sở hữu của ai. Nếu hộ có nhà để ở thì ĐTV khoanh mã số "1", sau đó hỏi tiếp câu hỏi 2;

- ***Hộ không có nhà ở:*** gồm những hộ sống ở những nơi ở như: các góc phố, vỉa hè, vườn hoa, trong các hang/động tự nhiên, v. v. . . Nếu hộ được xác định là không có nhà ở, thì ĐTV khoanh mã số "2" và kết thúc phỏng vấn.

Câu hỏi 2: Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không?

ĐTV khoanh mã số "2" (KHÔNG) nếu trong 1 ngôi nhà/căn hộ chỉ có 1 hộ sinh sống.

Trường hợp có trên 1 hộ cùng sống chung trong 1 ngôi nhà/căn hộ thì ĐTV khoanh mã số "1" (CÓ), đồng thời hỏi để xác định hộ đang phỏng vấn có phải là hộ đại diện không. Nếu đó là hộ đại diện thì khoanh mã số "1", sau đó hỏi tiếp Câu hỏi 3. Nếu đó không phải là hộ đại diện (mà phần nhà ở đã được hộ đại diện khai chung) thì khoanh mã số "2", đồng thời ghi họ và tên chủ hộ của hộ đại diện, và số thứ tự hộ của hộ đại diện. Sau đó chuyển sang hỏi Câu hỏi 7.

Câu hỏi 3: Ngôi nhà/căn hộ (chính) **này thuộc loại nhà nào?**

Căn cứ vào hiện trạng nhà ở, mức độ bền vững của ngôi nhà có liên quan đến vật liệu xây dựng được dùng để xây dựng ngôi nhà, và niên hạn sử dụng của ngôi nhà đó. Nhà ở của các hộ được chia thành 4 nhóm chính sau:

- ***Nhà kiên cố:*** gồm các loại nhà: biệt thự, nhà xây nhiều tầng hoặc các căn hộ trong nhà xây nhiều tầng, nhà lắp ghép cấu kiện bê tông nhiều tầng, nhà xây mái bằng. Nếu ngôi nhà/căn hộ chính hiện hộ đang dùng để ở được xác định là nhà kiên cố thì ĐTV khoanh mã số "1";

- ***Nhà bán kiên cố:*** gồm những ngôi nhà có tường xây/ghép gỗ/khung gỗ và có mái lợp bằng ngói/tôn/tấm lợp/tấm mạ, v.v . . . hoặc xây dựng bằng các vật liệu tương đương. Nếu ngôi nhà/căn hộ chính hiện hộ đang dùng để ở được xác định là nhà bán kiên cố, thì ĐTV khoanh mã số "2";

- ***Nhà khung gỗ lâu bền, mái lá:*** gồm những ngôi nhà có khung chịu lực làm bằng gỗ (toàn bộ phần mái do các cột bằng gỗ chắc chắn đỡ), có niên hạn sử dụng trên 15 năm, có mái lợp bằng tranh/tre/nứa/lá/giấy dầu.... Nếu ngôi nhà/căn hộ chính hiện hộ đang dùng để ở được xác định là nhà khung gỗ lâu bền, mái lá, thì ĐTV khoanh mã số "3";

- ***Nhà đơn sơ:*** gồm các loại nhà ở không thuộc một trong hai nhóm trên. Loại nhà này có kết cấu đơn giản, vật liệu thô sơ. Tường của loại nhà này thường được làm bằng đất/lá/cót v.v. . . (không phải tường xây, hoặc khung gỗ) và mái thường lợp bằng tranh/tre/nứa/lá/giấy dầu v.v. . .

Những loại lều, lán, trại tạm thời, những gầm cầu, thùng hàng được tận dụng để ở, những nhà ở đã hết thời hạn sử dụng và hư hỏng nặng cần phải dỡ bỏ nhưng vẫn còn được dùng để ở tại thời điểm điều tra, và các loại nhà ở lưu động (tăng, bạt, lều trại, toa xe, tàu, thuyền, v.v . . .) đều được xếp vào loại nhà này.

Nếu ngôi nhà/căn hộ chính hiện hộ đang dùng để ở được xác định thuộc loại "nhà đơn sơ" thì ĐTV khoanh mã số "4". Sau đó chuyển sang hỏi và ghi Câu hỏi 7, bỏ qua không hỏi các Câu 4, 5, 6;

<u>Chú ý</u>: Nếu (các) ngôi nhà/căn hộ của một hộ gồm nhiều phần thuộc nhiều loại nhà khác nhau (có phần là kiên cố, có phần là bán kiên cố, v.v. . .), thì quy ước tính loại nhà

theo phần có diện tích lớn nhất (phần chính).

Câu hỏi 4: Tổng diện tích để ở của (các) ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông?

Tổng diện tích để ở của một hộ là tổng diện tích tính bằng mét vuông của các phòng ở dùng để ăn, ngủ, tiếp khách, đọc sách/ học tập.

Diện tích để ở gồm cả diện tích lôgia và diện tích cơi nới thêm được dùng để ở có mái che và tường/vách ngăn kín đáo, chắc chắn.

Riêng đối với nhà/căn hộ khép kín còn tính cả diện tích phòng vệ sinh (nhà xí), phòng tắm, phòng nấu ăn (bếp).

Nếu nhà có gác xép dùng để ở thì được tính 50% diện tích, không tính phần diện tích gác xép chuyên dùng để chứa đồ đạc, dụng cụ gia đình.

Chú ý: 1) Mỗi phòng ở/lôgia/gác xép (và phòng vệ sinh, phòng tắm, phòng ăn - đối với nhà/căn hộ khép kín) nói trên phải thoả mãn điều kiện: có những bức tường cao ít nhất 2 mét và có diện tích sàn tối thiểu là 4 mét vuông.

2) Không được tính vào tổng diện tích để ở phần diện tích sàn của các hầm chứa trong nhà, diện tích sử dụng chung của các hộ (như hành lang, cầu thang, v.v...), và không tính diện tích của các phòng chuyên dùng để chăn nuôi, sản xuất. kinh doanh. Không được tính những phần của ngôi nhà/căn hộ được xác định thuộc loại "nhà đơn sơ"

ĐTV hỏi chủ hộ về diện tích của những phòng ở nói trên, kết hợp với sự quan sát của mình để xác định tổng diện tích để ở của hộ, ghi kết qủa đã tính được vào ba ô mã dành sẵn. Ví dụ: Một người khai tổng diện tích để ở của ngôi nhà mình đang ở là 45 mét vuông thì ghi như sau:

4. Tổng diện tích để ở của (các) ngôi nhà/căn hộ này là bao nhiêu mét vuông? TỔNG DIỆN TÍCH Ở..... | *0* | *4* | *5* |

Câu hỏi 5: Ngôi nhà/căn hộ (chính) này thuộc quyền sở hữu của ai?

Quyền sở hữu nhà ở được phân loại theo 6 nhóm sau đây:

1) Nhà riêng của hộ: gồm các ngôi nhà/căn hộ do hộ tự làm, mua, được thừa kế, được cho tặng hoặc nhà tình nghĩa, hiện đang dùng để ở.

2) ***Nhà thuê của Nhà nước:*** gồm các ngôi nhà/căn hộ mà các hộ đã hợp đồng thuê của

Nhà nước theo thời gian và gía cả do hai bên thỏa thuận, những ngôi nhà/căn hộ do cơ quan Nhà nước xây dựng và đã phân phối cho các hộ cán bộ, công nhân viên sử dụng để ở và thực tế đang ở.

Những ngôi nhà/căn hộ mà các hộ thuê của Nhà nước, cơ quan, xí nghiệp... nay đã chuyển nhượng cho các hộ khác thuê lại/bán hỏa hồng, thì cũng được tính là "nhà thuê của Nhà nước"

*3) **Nhà thuê/mượn của tư nhân:*** gồm các ngôi nhà/căn hộ do hộ thuê hoặc mượn của tư nhân để ở và thực tế hiện đang ở, theo thời gian và gía cả do hai bên thỏa thuận.

*4) **Nhà của tập thể/tôn giáo:*** gồm các ngôi nhà/căn hộ do các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các tổ hợp sản xuất hoặc các tổ chức tôn giáo tự xây dựng hoặc đã được phép quản lý, đã phân phối cho các thành viên của các tổ chức này dùng để ở và thực tế hiện đang ở.

*5) **Nhà của Nhà nước và nhân dân cùng làm:*** gồm các ngôi nhà/căn hộ do Nhà nước tổ chức xây dựng bằng một phần kinh phí của Nhà nước và một phần vốn của nhân dân đóng góp, những ngôi nhà/căn hộ này đã được phân phối cho các hộ góp vốn và thực tế đang được dùng để ở.

6) ***Nhà chưa rõ quyền sở hữu:*** gồm các ngôi nhà/căn hộ không thuộc vào 1 trong 5 nhóm nói trên, những ngôi nhà/căn hộ lấn chiếm của Nhà nước/tập thể/cá nhân, và những ngôi nhà đang tranh chấp quyền sở hữu chưa được phân xử rõ ràng.

Câu hỏi 6: Ngôi nhà/căn hộ (chính) này đã bắt đầu đưa vào sử dụng từ năm nào?

ĐTV ghi năm mà ngôi nhà được hoàn thiện và bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp nhà ở của hộ bao gồm nhiều phần, mà mỗi phần được hoàn thiện và bắt đầu dùng để ở vào các năm khác nhau, thì chỉ ghi năm mà bộ phận chính (có diện tích lớn nhất) của ngôi nhà đó đã được xây dựng xong và bắt đầu sử dụng để ở.

Nếu ngôi nhà/căn hộ mà hộ hiện đang ở đã được xây dựng xong và bắt đầu đưa vào sử dụng trước năm 1976 thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu ngôi nhà/căn hộ mà hộ hiện đang ở đã được xây xong và đưa vào sử dụng từ năm 1976 trở lại đây thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi hai chữ số cuối của năm xây dựng xong và đưa vào sử dụng vào hai ô mã dành sẵn. Ví dụ: Một người khai năm ngôi nhà xây dựng xong và đưa vào sử dụng là năm 1987 thì ghi như sau:

6. Ngôi nhà/căn hộ (chính) này đã bắt đầu đưa vào sử dụng từ năm nào?

TRƯỚC NĂM 1976 1
TỪ NĂM 1976 ĐẾN NAY 2

19 8 7

Câu hỏi 7: Hộ ông/bà có sử dụng điện để thắp sáng không?

Hộ có sử dụng điện để thắp sáng là hộ có điện dùng từ các nguồn: lưới điện quốc gia, lưới điện do địa phương quản lý, điện dẫn từ các trạm phát điện của địa phương, máy phát điện riêng hoặc trạm thuỷ điện nhỏ của gia đình; thời gian dùng điện ít nhất là 15 ngày trở lên trong một tháng trước thời điểm tổng điều tra. Những hộ chỉ dùng pin/ắc quy, hoặc năng lượng mặt trời để thắp sáng thì không được tính là "có dùng điện để thắp sáng".

Câu hỏi 8: Nguồn nước ăn (chính) của hộ ông/bà là gì?

Nguồn nước ăn chính là nguồn nước chủ yếu mà hộ đã sử dụng để ăn uống với thời gian sử dụng nhiều nhất trong năm, không phân biệt nguồn nước đó lấy từ đâu, của hộ hay của tập thể/của người khác. ĐTV căn cứ vào câu trả lời để khoanh vào 1 trong 4 mã số "1", hoặc "2", hoặc "3", bhoặc "4".

***Chú ý*:** Đối với nguồn nước "có hệ thống lọc hoặc giếng khơi đảm bảo vệ sinh" (mã số "3") chỉ tính những nguồn nước có đủ các điều kiện sau:

- Nước không màu, không mùi, không có vị lạ;
- Nguồn nước phải cách xa nơi ô nhiễm (chuồng gia súc, nhà vệ sinh, nghĩa địa...) ít nhất 7 mét.

Nếu hộ sử dụng nhiều nguồn nước ăn khác nhau, thì xác định nguồn nước ăn chính là nguồn nước có khối lượng nước ăn sử dụng nhiều nhất

Câu hỏi 9: Loại hố xí mà hộ ông/bà đang sử dụng?

Hộ đang sử dụng loại hố xí nào thì khoanh mã số tương ứng. Lưu ý rằng câu hỏi này thu thập thông tin về loại hố xí mà hộ đang sử dụng tính đến thời điểm điều tra, không phân biệt hố xí đó thuộc sở hữu của ai. Nếu hộ sử dụng trên một loại hố xí, thì chỉ ghi một loại hố xí có thời gian sử dụng nhiều nhất.

Loại hố xí mà hộ đang sử dụng được chia thành 4 loại sau:

*1) **Hố xí tự hoại và bán tự hoại:*** là loại hố xí có dùng nước để thải phân qua đường ống xuống bể phốt (còn gọi là bể nhiễm khuẩn), không phân biệt nước được đổ vào bệ xí qua đường ống hay đổ nước vào bệ xí bằng thùng/xô/chậu.

2) ***Hố xí Suilabh (còn gọi là hố xí thấm):*** là loại hố xí tự hủy phân bằng cơ chế đổ nước-thấm.

3) ***Hố xí thô sơ:*** gồm các loại hố xí 1 ngăn, 2 ngăn, hoặc đơn giản chỉ là một cái hố đào/đắp/xây. Hố xí dùng nước nhưng không có bể phốt, hoặc loại hố xí thùng, hố mèo,

cầu cá, v.v... cũng thuộc loại này.

4) ***Không có hố xí***: là trường hợp hộ không sử dụng bất kỳ một loại hố xí nào, mà phải đi đại tiện ở ngoài đồng/ đồi/núi/bãi đất trống/bờ bụi, v.v...

Câu hỏi 10: Hộ ông/bà có Tivi (máy thu hình) **không?**

Nếu hộ điều tra có ti vi thì ĐTV khoanh mã "1"; nếu hộ không có ti vi thì ĐTV khoanh mã "2".

Câu hỏi 11: Hộ ông/bà có Radio (đài) **không?**

Nếu hộ điều tra có Radio thì ĐTV khoanh mã "1"; nếu hộ không có Radio thì ĐTV khoanh mã "2".

CHƯƠNG IV

CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN CỦA CÁC HỘ DÂN CƯ

(Khu vực nông thôn, có đến 0 giờ ngày 1/4/1999)

A. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi, đối tượng điều tra:

Bao gồm các phương tiện sản xuất chủ yếu chạy bằng máy nổ (chạy bằng xăng, dầu), hoặc động cơ điện (Mô tơ điện), thuộc quyền sở hữu của các hộ dân cư, thuộc khu vực nông thôn, có đến 0 giờ ngày 1/4/1999.

2. Đơn vị điều tra: là hộ.

B. CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

I. PHƯƠNG PHÁP PHỎNG VẤN:

Sau khi kết thúc tiến hành phỏng vấn và ghi phiếu điều tra dân số và nhà ở, ĐTV trực tiếp hỏi chủ hộ hoặc người đại diện của hộ, kết hợp với quan sát để ghi "phiếu điều tra phương tiện sản xuất của các hộ dân cư".

II. CÁCH HỎI VÀ GHI PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Ghi các chỉ tiêu định danh

ĐTV căn cứ vào các chỉ tiêu định danh đã được ghi trên trang bìa của tập phiếu điều tra dân số và nhà ở, để ghi cho các dòng tương ứng thuộc phần định danh ở góc trên bên trái của tờ phiếu điều tra.

2. Cách hỏi và ghi phiếu

Câu hỏi 1: Hộ ông/bà có ô tô không?

Được tính là ô tô bao gồm ô tô tải, ô tô khách, ô tô du lịch, xe taxi. Nếu hộ không có ô tô, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng ô tô thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng ô tô thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung ô tô thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng ô tô thuộc quyền sở hữu chung của hộ vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 2: Hộ ông/bà có tàu/thuyền có động cơ không?

Bao gồm toàn bộ các tàu/thuyền có động cơ dùng để vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, dùng để đánh bắt thủy/hải sản, và/hoặc dùng để ở. Nếu hộ không có tàu/thuyền có động cơ, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng tàu/thuyền có động cơ thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng tàu/thuyền thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung tàu/thuyền có động cơ thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng tàu/thuyền thuộc quyền sở hữu chung của hộ vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 3: Hộ ông/bà có máy cày, máy bừa không?

Chỉ được tính là máy cày, máy bừa những máy có đủ các bộ phận động lực và bộ phận công tác. Nếu hộ không có máy cày, máy bừa, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng máy cày, máy bừa, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng máy cày và máy bừa thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung máy cày, máy bừa, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng máy cày và máy bừa thuộc sở hữu chung vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 4: Hộ ông/bà có máy kéo không?

Nếu hộ không có máy kéo, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng máy kéo, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng máy kéo thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung máy kéo, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng máy kéo thuộc sở hữu chung vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 5: Hộ ông/bà có xe công nông không?

Nếu hộ không có xe công nông, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng xe công nông, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng xe công nông thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung xe công nông, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng xe công nông thuộc sở hữu chung vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 6: Hộ ông/bà có máy tuốt lúa có động cơ không?

Máy tuốt lúa có động cơ bao gồm toàn bộ những máy tuốt lúa chạy bằng máy nổ và chạy bằng động cơ điện. Không được tính là máy tuốt lúa có động cơ những máy tuốt lúa phải chạy bằng sức người hoặc gia súc. Nếu hộ không có máy tuốt lúa có động cơ, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng máy tuốt lúa có động cơ, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng máy tuốt lúa thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung máy tuốt lúa có động cơ, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng máy tuốt lúa có động cơ thuộc sở hữu chung vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 7: Hộ ông/bà có máy xay/sát/nghiền không?

Máy máy xay/sát/nghiền bao gồm toàn bộ những máy xay/sát/nghiền chạy bằng máy nổ và chạy bằng động cơ điện. Nếu hộ không có máy xay/sát/nghiền, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng máy xay/sát/nghiền, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng máy xay/sát/nghiền thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung máy xay/sát/nghiền, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng máy xay/sát/nghiền thuộc sở hữu chung vào ô mã dành sẵn.

Câu hỏi 8: Hộ ông/bà có máy bơm nước không?

Được tính là máy bơm nước bao gồm cả máy bơm nước chạy bằng máy nổ và chạy bằng động cơ điện, không kể máy bơm nước đó dùng để bơm nước tưới hay bơm nước dùng trong sinh hoạt. Nếu hộ không có máy bơm nước, thì ĐTV khoanh mã số "1". Nếu hộ có sở hữu riêng máy bơm nước, thì ĐTV khoanh mã số "2", đồng thời ghi số lượng máy bơm nước thuộc quyền sở hữu riêng của hộ vào ô mã dành sẵn. Nếu hộ có sở hữu chung máy bơm nước, thì ĐTV khoanh mã số "3", đồng thời ghi số lượng máy bơm nước thuộc sở hữu chung vào ô mã dành sẵn.

PHỤ LỤC 1

THEO DÕI TIẾN ĐỘ ĐIỀU TRA

Ngày điều tra	*Số hộ*	*Số người*			*Ghi chú*
		Nam	*Nữ*	*Cộng*	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
Ngày 1 tháng 4					
Ngày 2					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 2					
Ngày 3					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 3					
Ngày 4					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 4					
Ngày 5					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 5					
Ngày 6					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 6					
Ngày 7					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 7					
Ngày 8					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 8					
Ngày 9					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 9					
Ngày 10 (Mẫu)					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 10					
Ngày 11 (Mẫu)					
Cộng dồn từ ngày 1 đến ngày 11					

PHỤ LỤC 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU NĂM ÂM LỊCH VÀ NĂM DƯƠNG LỊCH

	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
Tý (Chuột)	1984 1924 -		1996 1936 1876		- 1948 1888		- 1960 1900		- 1972 1912	
Sửu (Trâu)		1985 1925 -		1997 1937 1877		- 1949 1889		- 1961 1901		- 1973 1913
Dần (Hổ)	1974 1914 -		1986 1926 -		1998 1938 1878		- 1950 1890		- 1962 1902	
Mão (Mèo)		1975 1915 -		1987 1927 -		1999 1939 1879		- 1951 1891		- 1963 1903
Thìn (Rồng)	1964 1904 -		1976 1916 -		1988 1928 -		- 1940 1880		- 1952 1892	
Tỵ (Rắn)		1965 1905 -		1977 1917 -		1989 1929 -		- 1941 1881		- 1953 1893
Ngọ (Ngựa)	1954 1894 -		1966 1906 -		1978 1918 -		1990 1930 1870		- 1942 1882	
Mùi (Dê)		1955 1895 -		1967 1907 -		1979 1919 -		1991 1931 1871		- 1943 1883
Thân (Khỉ)	1944 1884 -		1956 1896 -		1968 1908 -		1980 1920 -		1992 1932 1872	
Dậu (Gà)		1945 1885 -		1957 1897 -		1969 1909 -		1981 1921 -		1993 1933 1873
Tuất (Chó)	1994 1934 1874		- 1946 1886		- 1958 1898		- 1970 1910		- 1982 1922	
Hợi (Lợn)		1995 1935 1875		- 1947 1887		- 1959 1899		- 1971 1911		- 1983 1923

PHỤ LỤC 3: **BẢNG CHUYỂN ĐỔI TRÌNH ĐỘ VĂN HOÁ PHỔ THÔNG**

Cấp học	**Các lớp phổ thông để tổng hợp**	Hệ thống trình độ văn hoá phổ thông tương đương								
		Hệ thống thời Pháp thuộc	Từ 1945 đến 1954			Hệ thống bổ túc văn hóa	Giáo dục phổ thông miền Bắc			Miền Nam và miền Bắc từ 1989 đến nay
			Vùng tự do		Vùng tạm chiếm		Trước 1981	Từ Hà Tĩnh trở ra		
			1945-50	1950-54				1981-86	1986-89	
Tiểu học **(Cấp I)**	Lớp 1	Lớp 5 đồng ấu			Lớp 5 tiểu học	Dự bị BTVH	Vỡ lòng	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 1
	Lớp 2	Lớp 4	Lớp tư	Lớp 1	Lớp tư tiểu học	Lớp 1	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 2
	Lớp 3	Lớp 3 (đậu sơ học yếu lược)	Lớp ba	Lớp 2	Lớp ba tiểu học	Lớp 2	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 3
	Lớp 4	Lớp nhì năm thứ nhất Lớp nhì năm thứ hai	Lớp nhì	Lớp 3	Lớp nhì tiểu học	Lớp 3	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 4
	Lớp 5	Lớp nhất (đậu tiểu học)	Lớp nhất	Lớp 4	Lớp nhất tiểu học	Lớp 4	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 5	Lớp 5
Trung học Cơ sở **(Cấp II)**	Lớp 6	Đệ nhất niên trung học	Đệ nhất niên		Đệ thất trung học	Lớp 5			Lớp 6	Lớp 6
	Lớp 7	Đệ nhị niên trung học	Đệ nhị niên	Lớp 5	Đệ lục trung học	Lớp 6	Lớp 5		Lớp 7	Lớp 7
	Lớp 8	Đệ tam niên trung học	Đệ tam niên	Lớp 6	Đệ ngũ trung học	Lớp 7A	Lớp 6 Lớp 7	Lớp 6 Lớp 7	Lớp 8	Lớp 8
	Lớp 9	Đệ tứ niên trung học	Đệ tứ niên	Lớp 7	Đệ tứ trung học	Lớp 7B				Lớp 9
Phổ thông trung học **(Cấp III)**	Lớp 10	Đệ nhất niên (thi tú tài phần thứ nhất)	Đệ nhất niên chuyên khoa	Lớp 8	Đệ tam niên	Lớp 8	Lớp 8	Lớp 10	Lớp 10	Lớp 10
	Lớp 11	Đệ nhị niên	Đệ nhị niên chuyên khoa	Lớp 9	Đệ nhị niên	Lớp 9 Lớp 10A	Lớp 9	Lớp 11	Lớp 11	Lớp 11
	Lớp 12	Đệ tam niên (thi tú tài toàn phần)	Đệ tam niên chuyên khoa	Lớp 10	Đệ nhất niên (thi bằng trung học đệ nhị cấp)	Lớp 10B	Lớp 10	Lớp 12	Lớp 12	Lớp 12

PHỤ LỤC IV: **NHỮNG KÝ HIỆU SỬ DỤNG ĐỂ VẼ SƠ ĐỒ**

Ký hiệu	Nội dung	
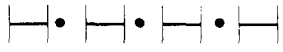	Ranh giới quốc gia	
	Ranh giới tỉnh, thành phố	
	Ranh giới huyện/ quận/ thị xã	
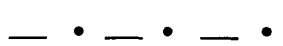	Ranh giới xã/phường/thị trấn	
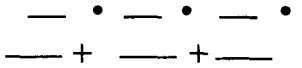	Ranh giới điểm dân cư	
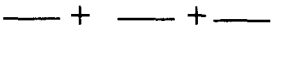	Ranh giới địa bàn điều tra	
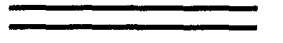	Đường nhựa/đường đá lớn	
	Đường đất lớn	
	Đường mòn	
	Cầu, cống	
	Đường xe lửa	
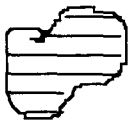	Ao, hồ, đầm	
	Sông, suối, kênh, ngòi. ..	
	Núi đồi	
	Cây cổ thụ	
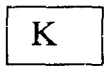	Nhà không người ở	
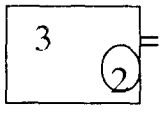	3 : Số TT nhà trên sơ đồ (2) : chỉ số tầng nhà (*) cho nhà có người ở = : lối vào nhà	Ký hiệu này chỉ dùng

Trường học

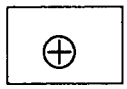

Bệnh viện

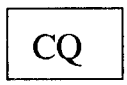

Cơ quan

Trụ sở uỷ ban nhân dân

Đền/chùa/miếu

Nhà thờ

Nghĩa địa

• : Điểm xuất phát từ số thứ tự nhà đầu tiên
→ : Hướng đi đến từng nhà

Lưu ý :

Khi vẽ nhà trên sơ đồ :

a) Nếu nhà chung tường hoặc liền tường thì vẽ liền (▭▭);

b) Nếu nhà không liền tường thì vẽ rời (▭ ▭);

c) Nếu trong khu vực cơ quan, nhà thờ, trường học, v.v... có người cư trú thường xuyên thì phải ghi số thứ tự nhà;

d) (*) Nếu nhà 1 tầng, thì không ghi "số tầng nhà".

PHỤ LỤC 5

DANH SÁCH CÁC CỤ TỪ 100 TUỔI TRỞ LÊN

(Sinh trước tháng 4 năm 1899)

Tỉnh/thành phố: _____

Huyện/quận: _____

Xã/phường: _____

Địa bàn điều tra số: _____

Số thứ tự	Họ và tên	Giới tính	Tháng năm sinh	Dân tộc	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ngày tháng 4 năm 1999

Điều tra viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 6: **CÁC THÀNH PHẦN TÔN GIÁO**

Tôn giáo trong danh mục này được hiểu là một tổ chức gồm những người có chung niềm tin vào một giáo lý nhất định.

I. Một số tôn giáo chính

Tên các thành phần tôn giáo chính	Các tên gọi khác	Các hệ phái
1	2	3
Phật giáo		Có hai hệ phái chính: - Phật giáo Bắc tông; - Phật giáo Nam tông.
Công giáo	- Thiên chúa giáo - Đạo Thiên chúa	
Cao đài		Có 11 hệ phái: - Cao đài Tây Ninh; - Cao đài Ban chính; - Cao đài Tiên thiên; - Cao đài Minh Chơn đạo; - Cao đài Minh Chơn lý; - Cao dài Chiếu Minh Long Châu; - Truyền giáo Cao đài; - Cao đài Châu kho; - Cao đài Bạch y; - Cao đài Chiếu Minh Tam Thanh; - Cao đài Thượng đế.
Phật giáo Hòa Hảo	Hòa Hảo	
Hồi giáo		Có hai nhánh chính: - Hồi giáo Ixlam; - Hồi giáo BNi.
Tin lành		Có 13 hệ phái chính: - CMA; - Cơ đốc Phục Lâm; - Bắp Típ; - Cơ đốc Truyền giáo; - Trưởng Lão; - Ngũ Tuần; - Mennonai; - Quây Cơ; - Chứng nhân GiêHôva; - Mooóc Mông; - Tầm nhìn Thế giới; - Liên hữu Cơ đốc; - Giám lý.
Balamôn	Đạo Hinđu, Ấn giáo	
B'Hai		

II. Tiêu chuẩn để xác định tín đồ, nhà tu hành, chức sắc của từng tôn giáo

A. Tín đồ

1. Phật giáo: Tín đồ đạo Phật thường gọi là **Phật tử**. Phật tử là người đã **Quy y tam bảo** và được nhà chùa cấp **sớ điệp**. Đạo Phật không quy định độ tuổi đối với Phật tử. Đồng bào Khơme Nam bộ hầu hết là Phật tử.
2. Công giáo: Tín đồ đạo Công giáo thường gọi là **Giáo dân**. Giáo dân là người đã chịu phép **rửa tội** và được linh mục ghi tên vào sổ **nhân danh** của giáo sứ hoặc họ lẻ.
3. Cao đài: Tín đồ đạo Cao đài thường gọi là **Đạo hữu**. Đạo hữu là người đã làm lễ nhập đạo và được cấp **Sớ cầu đạo**. Đạo Cao đài thường chỉ làm lễ nhập đạo và cấp Sớ cầu đạo cho người từ 18 tuổi trở lên.
4. Phật giáo Hòa hảo: Tín đồ Phật giáo Hòa hảo trước năm 1975 đều có thẻ hội viên do Giáo hội Phật giáo Hòa hảo cấp. Từ năm 1975 đến nay, ngoài những người có thẻ nói trên, các tỉnh có đạo Hòa hảo thường căn cứ vào những điểm sau đây để tính là tín đồ Hòa hảo:

- Thường xuyên giữ chay giới;
- Trong nhà có thờ Trần điều (miếng vải màu đỏ hoặc nâu) và ảnh Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ;
- Thường xuyên tụng niệm (đọc các bài sấm giảng của cụ Huỳnh Phú Sổ...).

5. Hồi giáo: - Hồi giáo Ixlam: một người được tính là tín đồ Hồi giáo Ixlam khi người đó đã làm lễ **Xunát** (cắt da quy đầu đối với nam, thường từ 15 tuổi trở lên) và lễ **cắt tóc** (đối với nữ thường từ 15 tuổi trở lên).

- Hồi giáo BNi: Chỉ có trong đồng bào dân tộc Chăm (trong gia đình thờ thần Lợn).

6. Tin lành: Những người từ 18 tuổi trở lên đã chịu phép **Bắp têm** là tín đồ thuộc một chi hội (còn gọi là Hội thánh) của đạo Tin lành.
7. Balamôn: Các thành viên của những gia đình (phần nhiều trong đồng bào Chăm) thờ **thần Bò** đều được xem là tín đồ của đạo Balamôn.

B. Nhà tu hành: Gồm những người đã rời khỏi gia đình, chuyên việc đạo, nhưng không phải là chức sắc. Tiêu chuẩn để xác định nhà tu hành của mỗi nhóm tôn giáo như sau:

1. Phật giáo: Những người đã rời khỏi gia đình, vào ở hẳn trong chùa chuyên làm việc đạo và đã làm lễ xuống tóc. Thí dụ: tiểu, sãi,....

2. Công giáo: Những người đã rời khỏi gia đình, vào ở hẳn trong tu viện chuyên việc đạo và đã làm lễ Khấn. Nhà tu hành của Công giáo được gọi là Nam tu sĩ, Nữ tu sĩ.

3. Cao đài: Những người đã rời khỏi gia đình, vào ở thường xuyên trong các cơ sở tu hành. Những người được gọi theo các tên sau đây đều là nhà tu hành của đạo Cao đài: Phật tử, Tiên tử, Thánh Nhơn, Hiền Nhơn, Chơn Nhơn, Đạo Nhơn, Chí Thiện, Giáo Thiện, Hành Thiện, Thánh Thiện, Tân dân và Minh Đức.

Các tôn giáo còn lại không có nhà tu hành.

C. Chức sắc: Tiêu chuẩn chung để xác định một người là chức sắc của một tôn giáo là người đó được Nhà nhước chấp thuận cho phép các giáo hội tôn giáo đào tạo, phong chức và bổ nhiệm. Tên gọi các chức sắc của các tôn giáo như sau:

1. Phật giáo: Gồm đại đức, Thượng tọa và Hòa thượng.
2. Công giáo: Gồm Linh mục, Giám mục, Hồng y.
3. Cao đài: Gồm Lễ sanh, Giáo hữu, Giáo sư, Phối sư, Đầu sư, Chương pháp, Giáo tông.
4. Hồi giáo: - **Hồi giáo Ixlam**: Gồm Cả chùa, Phó Cả chùa, Imâm, Khô típ.

- **Hồi giáo BNi**: Cả chùa, Mưng, Típ, Chang.

5. Tin lành: Gồm Truyền đạo (hay còn gọi là Giảng sư) và Mục sư.
6. Balamôn: Gọi chung là các Giáo sĩ Balamôn.
7. Hòa hảo: Không có chức sắc

PHỤ LỤC 7

Tỉnh/thành phố: _____ ☐☐☐

Huyện/qu ận: _____ ☐☐

Xã/phường: _____ ☐☐

BẢNG KÊ SỐ NHÀ, SỐ HỘ, SỐ NGƯỜI

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ: ..... ☐☐

TÊN ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

_____

Tờ số:___ /trong tổng số___ tờ

Số thứ tự nhà	Số thứ tự hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ						Ngày điều tra	Ghi chú
				Khi lập bảng kê		Khi hiệu chỉnh bảng kê		Khi điều tra			
				Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
001 002 003											

Ngày tháng năm
CÁN BỘ LẬP BẢNG KÊ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
NGƯỜI HIỆU CHỈNH
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
ĐIỀU TRA VIÊN
(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 8: **DANH SÁCH CÁC TỈNH MỚI CHIA TÁCH TỪ CÁC TỈNH CŨ**

Số thứ tự	Tên tỉnh cũ	Tên tỉnh mới
1	2	3
1	Tỉnh Bắc Thái	- Tỉnh Thái Nguyên - Tỉnh Bắc Cạn
2	Tỉnh Vĩnh Phú	- Tỉnh Phú Thọ - Tỉnh Vĩnh Phúc
3	Tỉnh Hà Bắc	- Tỉnh Bắc Giang - Tỉnh Bắc Ninh
4	Tỉnh Hải Hưng	- Tỉnh Hải Dương - Tỉnh Hưng Yên
5	Tỉnh Nam Hà	- Tỉnh Hà Nam - Tỉnh Nam Định
6	Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng	- Thành phố Đà Nẵng - Tỉnh Quảng Nam
7	Tỉnh Sông Bé	- Tỉnh Bình Dương - Tỉnh Bình Phước
8	Tỉnh Minh Hải	- Tỉnh Bạc Liêu - Tỉnh Cà Mau

BÀI TẬP THỰC HÀNH TRÊN LỚP
Phần I: BÀI TẬP GHI PHIẾU ĐIỀU TRA DÂN SỐ

Bài tập xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ

Bài 1: Ngày 1/4/1999, ĐTV vào điều tra tại 1 hộ ở xóm 1, có số thứ tự hộ trên bảng kê là 016, thuộc địa bàn điều tra số 02 (xóm 1 + xóm 2), xã X, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc TĐTDS và nhà ở, ĐTV hỏi để xác định số nhân khẩu TTTT của hộ, và được người đối thoại cho biết như sau:

Tôi là Nguyễn Văn Tình, theo sổ hộ khẩu thì tôi là chủ hộ, nhưng vì hiện tôi đã già, nên cách đây 2 năm tôi đã giao quyền cho vợ thằng cả làm chủ hộ. Cháu tên là Nguyễn Thị Bích Ngọc, chồng cháu là Nguyễn Văn Bảng, hiện là huyện đội phó, hàng ngày vẫn về ăn ở, sinh hoạt với gia đình. Vợ chồng cháu sinh được 3 người con. Cháu thứ nhất tên là Nguyễn Thị Bích Thảo, hiện cháu đang học năm thứ ba trường đại học Kinh tế quốc dân ngoài Hà Nội, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Cháu thứ hai tên là Nguyễn Anh Tuấn, hiện đang học lớp 11 trên thị xã, cháu ở nhờ nhà bà chị tôi trên đó để đi học, thứ bảy, chủ nhật mới về thăm nhà. Cháu thứ ba tên là Nguyễn Tường Vân, hiện đang học lớp 6 tại xã. Cô con gái út của tôi tên là Nguyễn Thùy Dung, cháu mới lấy chồng tháng Một âm lịch năm ngoái, nhưng vì nhà chồng cháu không còn ai, chồng nó lại công tác ở mãi tận trong Lâm Đồng, nên cháu vẫn ở đây với tôi. Tôi chưa tách hộ cho cháu nhưng từ sau tết nguyên đán tôi đã cho cháu ăn riêng.

Căn cứ vào các thông tin trên, đồng chí hãy ghi trang bìa của phiếu điều tra. Sau đó, xác định những người là nhân khẩu TTTT của hộ này để ghi câu trả lời cho Câu hỏi 1 "họ và tên của những nhân khẩu TTTT tại hộ" và Câu hỏi 2 "quan hệ với chủ hộ".

Bài 2: Ngày 3/4/1999, ĐTV đến một hộ thuộc địa bàn 11, phường 2, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi phỏng vấn, ĐTV đã thu được một số thông tin như sau:

Hộ này do ông Hoàng Văn Được làm chủ hộ. Tháng 11 năm 1998 ông có thuê một ngôi nhà ở quận 3 để cho vợ ông là bà Lê Thị Hoa và cô con gái thứ hai Hoàng Thúy Quỳnh bán hàng điện máy. Hàng ngày vợ và con gái ông đến đó bán hàng, tối về nhà ăn cơm, sau đó hai mẹ con thay nhau tới đó ngủ để trông nhà và cửa hàng. Đôi khi, vợ ông vì bận việc phải ở đó vài ngày mới về nhà một lần.

Con trai cả của ông là Hoàng Văn Nam, sau khi tốt nghiệp đại học ngành hóa hữu cơ, vì không xin được việc ở thành phố đã cùng với 1 người bạn đi lên Lâm Đồng làm thuê và để tìm việc từ giữa tháng 5 năm 1998. Đến nay, anh Nam vẫn chưa tìm được việc ổn định ở đó, trong thư gửi về nhà, anh nói với gia đình là trong vài tháng nữa, nếu tìm được việc ổn định thì anh sẽ ở lại trên đó, còn nếu không thì anh sẽ trở về gia đình để tiếp tục tìm việc ở thành phố.

Con trai thứ ba của ông là Hoàng Văn Trung, hiện đang học năm thứ nhất đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh, hàng ngày về ăn ở với gia đình.

Căn cứ vào các thông tin trên, đồng chí hãy xác định những người là nhân khẩu TTTT của hộ ông Được, ghi các thông tin trả lời cho câu hỏi 1 và 2 trên phiếu điều tra.

Bài tập xác định tháng năm sinh theo dương lịch

Bài 3: Đồng chí hãy theo dõi đoạn đối thoại dưới đây giữa ĐTV và chủ hộ ở một địa bàn nông thôn (*các thành viên của hộ đều có mặt ở nhà*):

ĐTV: Xin bác cho biết, Bác sinh vào tháng năm nào?
Chủ hộ: Tôi sinh tháng tư năm 1950.
ĐTV: Bác gái sinh vào tháng năm nào ạ?
Chủ hộ: Nhà tôi hơn tôi 2 tuổi, bà ấy sinh năm Sửu, còn tháng sinh thì tôi không biết.
ĐTV: Vậy bác có biết bác gái sinh vào mùa nào không ạ?
Chủ hộ: Tôi nghe nói hình như vào cuối mùa thu thì phải (*biết rằng mùa thu gồm các tháng 7, 8, 9 âm lịch*). Nhưng có lẽ bà nhà tôi bà ấy biết rõ đấy.
ĐTV: Anh (nói tên người con trai đầu lòng của hai vợ chồng chủ hộ) sinh vào tháng năm nào ạ?
Chủ hộ: Cháu sinh vào tháng 7 năm 1962.
ĐTV: Vậy còn cô út (TÊN) sinh vào tháng năm nào thưa bác?
Chủ hộ: Cháu sinh vào đêm 30 tết năm 1985.

Dựa vào đoạn đối thoại trên, đồng chí hãy cho biết, cách đặt câu hỏi của ĐTV như trên đã đúng chưa? Những thông tin trả lời của chủ hộ nói trên đã đủ để xác định tháng năm sinh cho các nhân khẩu TTTT của hộ chưa? Đồng chí hãy chỉ ra những chỗ còn chưa đúng hoặc còn thiếu chính xác, và sửa lại cho đúng.

Bài tập xác định nơi có mặt vào đêm 31/3/1999

Bài 4:

a) Một người là nhân khẩu TTTT tại thị xã Bắc Ninh trả lời: Vào đêm 31/3/1999 tôi đang ở trên tàu hỏa đi từ Huế ra Hà Nội, sau đó đi tiếp ô tô để về nhà (thị xã Bắc Ninh). Tàu rời Huế vào lúc 6 giờ tối 31/3, và ra đến Hà Nội lúc 12 giờ trưa ngày 1/4. Tôi ngủ nên không biết vào lúc 0 giờ ngày 1/4 tàu đang đi trên địa phận của tỉnh nào.

b) Một người khác là nhân khẩu TTTT tại 1 xã ven biển tỉnh Bình Định trả lời: Vào đêm 31/3/1999 tôi đang cùng một số anh em khác đánh cá trên vùng biển tỉnh Thanh Hóa.

Đồng chí hãy xác định nơi có mặt vào đêm 31/3/1999 cho hai người nói trên.

Bài tập xác định nơi TTTT cách thời điểm điều tra 5 năm

Bài 5: Đồng chí hãy xác định nơi TTTT cách thời điểm điều tra 5 năm (vào ngày 31/3/1999) cho những người sau đây:

a) Ông Thái Văn Bạch, từ năm 1991 trở về trước ở trong khu tập thể cơ quan tại phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội. Từ đầu năm 1992 đến giữa tháng 4 năm 1994, ông nghỉ hưu và chuyển vào sống với con ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ giữa tháng 4 năm 1994 đến nay, ông chuyển về sống với vợ ở quê tại xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh. Trên đường về quê, ông đến thăm con gái ở phường Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, và ở đó đến hết tháng 1 năm 1995.

b) Anh Nguyễn Văn Hải, sinh tại xã Đồng Mai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Từ tháng 5 năm 1994 đến tháng 4 năm 1997, anh Hải nhập ngũ và đơn vị của anh đóng tại xã Canh Nậu, huyện Yên Thế tỉnh Hà Bắc (nay là tỉnh Bắc Giang). Từ tháng 5 năm 1997 đến nay, anh xuất ngũ và về làm ruộng tại quê.

Bài tập xác định trình độ học vấn cao nhất đang học hoặc đã học xong

Bài 6: Khi phỏng vấn về trình độ học vấn của các nhân khẩu TTTT trong 1 hộ, ĐTV thu dược các thông tin sau:

- Chủ hộ: Khi còn nhỏ đi học chữ hán 3 năm (theo học thầy đồ tư, mà không học ở 1 trường lớp nào). Khi giải phóng Miền Bắc (tháng 5/1954), đi học bổ túc tiếng phổ thông (tiếng Việt) hết lớp 2 (hệ 10), được lên lớp 3 nhưng thôi không học nữa. Hiện vẫn còn đọc và viết được cả hai ngôn ngữ Hán và Việt;
- Vợ của chủ hộ: Đang học dở dang lớp 3 (hệ 10) thì bỏ học vì phải ở nhà giúp đỡ cha mẹ. Đến nay không còn đọc và viết được nữa, mà chỉ còn viết được họ và tên của mình.
- Con trai đầu của chủ hộ: tốt nghiệp lớp 10 (hệ 10). Sau đó đi học y tá trung cấp tại trường trung cấp y tế của tỉnh. Hiện đang làm việc tại bệnh viện huyện, và đang đi học tại chức đại học Y năm thứ nhất.
- Con trai thứ hai của chủ hộ: tốt nghiệp lớp 10 (hệ 10), sau đó học đại học và làm nghiên cứu sinh tại Liên Xô. Hiện là phó tiến sĩ ở 1 viện nghiên cứu thuộc bộ Khoa học-Công nghệ và Môi trường.
- Con gái út của chủ hộ: tốt nghiệp lớp 12 (hệ 12), hiện đang theo học tại trường trung cấp kế toán của tỉnh.

Căn cứ vào các thông tin nói trên, đồng chí hãy ghi câu trả lời cho các câu hỏi 10, 11, 12 cho từng thành viên của hộ.

Bài 7: Nếu đồng chí là một ĐTV, là người của địa phương, khi đồng chí biết rõ ĐTĐT hiện đang là giáo viên/kỹ sư, là người già, v.v..., thì đồng chí sẽ hỏi như thế nào để thu được thông tin một cách chính xác cho các câu hỏi 10, 11, 12 mà không làm phật ý ĐTĐT, nhưng cũng không ghi sai hoặc bỏ sót 1 câu trả lời nào trong 3 câu hỏi trên.

Bài tập xác định trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đạt được

Bài 8:

a) Cháu Nguyễn Anh Tuấn, sau khi tốt nghiệp phổ thông thì vào học đại học. Hiện cháu đang học năm thứ ba, chuyên ngành quản trị kinh doanh, đại học Tổng hợp;

b) Anh Nguyễn Hoài, tốt nghiệp khoa mắt, đại học Y khoa. Năm 1998, anh đã tốt nghiệp chuyên khoa cấp 1 về mắt;

c) Chị Huỳnh Thu Hương, Hiện có bằng trung cấp thống kê nông nghiệp và hiện chị đang theo học đại học Tài chính-Kế toán;

d) Anh Trần Văn Tài, tốt nghiệp học viện Lục quân, khoa chỉ huy;

e) Anh Trương Văn Tiến, trước đây tốt nghiệp trường công nhân kỹ thuật xây dựng của tỉnh, bậc 3, nghề "thợ nề". Sau khi ra trường, anh đi học sửa chữa xe máy (học tư), hiện anh đang là thợ sửa chữa xe máy cá thể, và đã làm công việc này được 6 năm.

Căn cứ vào các thông tin trên, đồng chí hãy xác định trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất cho những người nói trên.

Bài tập xác định chuyên ngành đào tạo

Bài 9:

a) Chị Thái Thanh Thủy có hai bằng đại học về hóa hữu cơ và tiếng Anh. Hiện chị là trưởng phòng phân tích, Viện hóa;

b) Ông Nguyễn Hòa Bình, có hai bằng đại học là đại học sư phạm văn và đại học chính trị (học viện Hồ Chí Minh). Trước khi về hưu, ông là bí thư huyện ủy.

Đồng chí hãy xác định chuyên ngành đào tạo cho hai người nói trên.

Bài tập xác định hoạt động chính trong 12 tháng trước thời điểm điều tra

Bài 10: Quan sát một cuộc phỏng vấn của ĐTV với chủ hộ (ông Phương), quan sát viên ghi được đoạn đối thoại sau:

ĐTV: Trong 12 tháng qua (tức là từ đầu tháng 4 năm 1998 đến hết tháng 3 năm 1999), bác có làm việc gì để có thu nhập không ạ?

Chủ hộ: Có. Kể từ khi nghỉ hưu đến nay, đã 2 năm rồi, chẳng làm gì cũng buồn, nhà sẵn có mấy thước vườn, nên tôi trồng hoa và cây cảnh vừa để giải trí, vừa thay tập thể dục, vừa có thêm thu nhập đỡ cho các cháu.

ĐTV: Thời gian bác dành để chăm sóc vườn hoa cây cảnh đó trong 12 tháng qua có nhiều không ạ?
Chủ hộ: Trông thế mà mất khá nhiều thời gian đấy anh ạ. Mỗi ngày cũng phải bỏ ra khoảng 4 đến 5 giờ đồng hồ để tưới bón, làm cỏ, tỉa cành, bắt sâu đấy.
ĐTV: Vậy, bác có thể biết được trong 12 tháng qua bác làm công việc này hết khoảng bao nhiêu tháng không?
Chủ hộ: Tôi làm quanh năm, chẳng có tháng nào nghỉ cả.
ĐTV: Thế ạ. Bây giờ xin bác cho cháu biết, trong 12 tháng qua Bác Hoa (vợ chủ hộ) có làm việc gì không ạ?
Chủ hộ: Nhà tôi không làm gì cả, bà ấy chỉ ở nhà làm các việc vặt trong nhà thôi.
ĐTV: Bác có thể nói cho cháu biết cụ thể trong 12 tháng qua, bác gái làm những công việc gì được không ạ?
Chủ hộ: Buổi sáng bà ấy cho lợn gà ăn, xong đi chợ mua thức ăn cho người và rau cho lợn. Buổi trưa nấu cơm. Buổi chiều trông con cho thằng Quyền (con trai lớn của chủ hộ). Tối đến thì tắm rửa, giặt rũ cho các cháu, cơm nước lợn gà. Từng ấy việc cũng mệt đứt hơi chứ còn làm gì nữa anh.
ĐTV: Nhà mình nuôi có nhiều lợn gà không bác? Hàng ngày bác gái chăm sóc lợn gà mất khoảng bao nhiêu thời gian, thưa bác?
Chủ hộ: Nhà vẫn có một con lợn nái nuôi từ năm 1997, và hơn chục con gà nuôi lấy trứng cho các cháu ăn, thỉnh thoảng có khách, không mua được thức ăn thì sẵn có đấy mà thịt. Mỗi ngày bà ấy cũng phải mất 3 hoặc 4 tiếng đồng hồ để chăm sóc chúng.
ĐTV: Bác gái cũng vất vả qúa bác nhỉ. Bây giờ xin bác cho cháu hỏi về anh Quyền, con trai lớn của bác. Trong 12 tháng qua, anh Quyền có làm việc gì không ạ?
Chủ hộ: Nhà có 2 sào ruộng hợp tác xã giao cho thì chỉ có vợ chồng nó làm chứ còn ai. Khi cấy hái xong, thì nó (anh Quyền) đi theo anh em đi làm thợ xây ở quanh vùng.
ĐTV: Trong 12 tháng qua, anh Quyền ngoài việc trồng lúa và thợ xây ra, anh ấy có còn làm việc gì nữa không ạ?
Chủ hộ: Không cháu ạ. Nó chẳng làm việc gì khác nữa.
ĐTV: Vậy, trong 12 tháng qua, anh Quyền làm cả hai việc trên được bao nhiêu tháng thưa bác?
Chủ hộ: Chắc cũng phải được 9 hay 10 tháng gì đó.
ĐTV: Trong hai việc trồng lúa và thợ xây, trong 12 tháng qua, anh Quyền làm việc gì chiếm nhiều thời gian hơn, thưa bác?
Chủ hộ: Năm rồi nhân dân xây dựng nhiều, cháu nó đi làm thợ xây suốt, ruộng nhà chẳng làm được bao nhiêu, có lúc phải thuê người ta cày bừa giúp.
ĐTV: Vâng, làm việc nọ thì thôi việc kia phải không bác? Bây giờ xin bác cho cháu hỏi về chị Hằng vợ anh Quyền. Trong 12 tháng qua chị Hằng có làm việc gì không ạ?
Chủ hộ: Thì nó cũng chỉ làm ruộng thôi. Hai tháng nay cháu nó sinh con Thúy nên vẫn nghỉ ở nhà chẳng làm gì cả.
ĐTV: Ngoài làm ruộng ra, chị Hằng trong 12 tháng qua có làm việc gì nữa không ạ?
Chủ hộ: Không. Đôi khi cháu đỡ bà nó nhà tôi chăm con lợn con gà.
ĐTV: Thời gian chị Hằng trồng lúa và giúp bác gái nuôi lợn gà trong 12 tháng qua được khoảng bao nhiêu tháng ạ?

Chủ hộ: Nếu cộng lại chắc cũng chỉ được 3 đến 4 tháng là cùng chứ mấy.
ĐTV: Vậy trong 12 tháng qua, chị Hằng muốn có việc làm thêm và có đi tìm việc vào những ngày nông nhàn không thưa bác?
Chủ hộ: Có đấy, nhưng ở nông thôn thì tìm đâu ra việc hả anh.

Căn cứ vào đoạn phỏng vấn nói trên, đồng chí hãy xác định loại công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng trước thời điểm điều tra cho từng nhân khẩu của hộ ông Phương.

Bài 11: Đồng chí hãy xác định loại công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, và công việc chính của họ (nếu có) cho những người sau đây:

a) Ông Quách Văn Hiền, cán bộ hưu trí, không làm gì ngoài việc hàng ngày chăm sóc đàn chim cảnh. Ông nuôi chim cảnh với mục đích để chơi chứ không để bán, và ông cũng không có nhu cầu làm việc.

b) Anh Hoàng Ngọc Ánh, là chuyên viên chính về thống kê dân số của một cơ quan Nhà nước. Đồng thời anh cũng là giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn chuyên kinh doanh hàng điện tử mà anh là một cổ đông.

c) Chị Tô Ánh Nguyệt, phó chủ nhiệm khoa tiếng Anh của trường đại học Ngoại ngữ. Ngoài giờ lên lớp, chị tham gia dịch sách và làm phiên dịch nếu có ai mời.

d) Chị Thái Thị Hồng, trước đây chị là kế toán tổng hợp, thuộc phòng hành chính của xí nghiệp may 19 - 5. Từ tháng 2 năm 1999, chị được đề bạt làm trưởng phòng tổ chức của xí nghiệp.

e) Anh Phí Hữu Tình, trước đây là công nhân tiện của xí nghiệp cơ khí 19-8. Do bị bệnh, anh nằm viện tính đến thời điểm điều tra đã được 8 tháng.

f) Anh Vương Tiến Tài, là trưởng phòng tổ chức của một cơ quan Nhà nước. Từ đầu tháng 9 năm 1998 (dương lịch), anh được cấp trên cử đi học tập trung tại học viện Nguyên Ái Quốc Trung ương (hệ 4 năm).

g) Anh Phùng Văn Thế, không có việc làm ổn định, mà ai thuê làm việc gì thì làm việc đó, nhưng chủ yếu làm nghề bốc vác hàng hóa ở bến sông. Trong 12 tháng qua, anh Thế làm được khoảng 5 tháng. Đã hơn 1 tháng nay anh có tìm việc nhưng vì không có ai thuê làm nên nghỉ ở nhà.

Bài tập xác định số con do 1 người phụ nữ sinh ra (dùng cho địa bàn điều tra mẫu)

Bài 12: Quan sát một cuộc phỏng vấn giữa ĐTV và 1 phụ nữ (ĐTĐT), người ta ghi được như sau:

ĐTV: Chị sinh được mấy người con?
ĐTĐT: Tôi sinh được 3 cháu.
ĐTV: (*Ghi số 3 vào dòng tương ứng với dòng a*). Có cháu nào sống ở nơi khác không?
ĐTĐT: Có. Cháu gái đầu mới đi lấy chồng ở xã bên hồi cuối năm ngoái.

ĐTV: (*Ghi số 1 vào dòng tương ứng với dòng b*). Không có cháu nào bị chết phải không ạ?
ĐTĐT: Vâng.
ĐTV: (*Ghi số 00 vào hai ô mã tương ứng với dòng c, và ghi số 04 vào hai ô mã tương ứng với dòng d).* Như vậy, chị sinh tất cả được 4 người con, phải không ạ?
ĐTĐT: Vâng.

Theo đồng chí, ĐTV phỏng vấn và ghi như vậy có đúng theo quy trình không? thông tin thu được có đủ độ chính xác chưa? Vì sao? Theo đồng chí thì ĐTV phải hỏi như thế nào để có được các thông tin chính xác để ghi cho câu hỏi
19, đồng thời vẫn không gây khó chịu cho ĐTĐT.

Phần II: BÀI TẬP GHI PHIẾU ĐIỀU TRA NHÀ Ở

Bài 13: Một ngôi nhà gồm 2 phòng được xây dựng vào hai thời kỳ khác nhau:
- Phòng lớn hơn dùng để tiếp khách, thờ cúng, và ngủ. Phòng này được xây dựng xong và đưa vào sử dụng từ năm 1975. Tường xây gạch nung, mái lợp lá cọ;
- Phòng nhỏ hơn dùng để ngủ, được xây xong và đưa vào sử dụng năm 1982. Tường xây bằng gạch nung, mái đổ bê tông.

Đồng chí hãy xác định loại nhà, năm đưa vào sử dụng cho ngôi nhà này.

Bài 14: Một ngôi nhà gồm có:
- 1 phòng ngủ tường xây bằng gạch nung, mái ngói, diện tích 16 m^2;
- 1 phòng khách tường xây bằng gạch nung, mái đổ bê tông, diện tích 24 m^2;
- 1 phòng ngủ tường xây bằng gạch nung, mái lợp rạ, diện tích 16 m^2;
- 1 hiên của phòng khách rộng 12 m^2;
- 1 phòng dùng làm kho chứa, tường xây bằng gạch nung, mái ngói, rộng 14 m^2;

Đồng chí hãy xác định diện tích ở cho ngôi nhà này.

Bài 15: Một ngôi nhà kiên cố khép kín, gồm có:

- 1 phòng khách rộng 24 m^2, trong đó diện tích gầm cầu thang là 2 m^2;
- 2 phòng ngủ, mỗi phòng rộng 12 m^2;
- 1 gác xép dùng để ngủ, chiều cao tính từ sàn gác xép lên tới trần là 1,8 mét, rộng 14 m^2;
- 1 phòng dùng để làm bếp và ăn rộng 10 m^2;
- 1 phòng vệ sinh (xí, tắm) rộng 3 m^2;
- Tổng diện tích hành lang trong nhà và các ban công là 22 m^2.

Đồng chí hãy xác định loại nhà và tính diện tích ở cho ngôi nhà này.

BÀI TẬP TỔNG HỢP

Bài 16: Vào ngày 6 tháng 4 năm 1999, ĐTV đến phỏng vấn và ghi phiếu ở hộ số 75, địa bàn điều tra số 9 (thôn 1 + thôn 2) do ông Nguyễn Văn Lợi làm chủ hộ, ở thôn 1, xã X, huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, và đã thu được các thông tin trả lời từ ông Lợi như sau:

a) Phần dân số: Ăn ở chung với ông Lợi, có:

- Ông Lợi, sinh sau tết Thanh minh 1 tháng, năm Thìn, năm nay ông 72 tuổi, dân tộc Kinh, không theo tôn giáo nào. Vào đêm 31/3/1999, ông ở nhà. Cách đây 5 năm ông vẫn ở đây. Trước đây ông đã học xong lớp nhì và được lên lớp nhất thời Pháp thuộc, nhưng vì hoàn cảnh gia đình nên ông không đi học nữa. Sau khi nghỉ học, ông theo học nghề thợ mộc dân dụng (đóng bàn, ghế, giường, tủ) của 1 ông thợ ở xã bên. Ông làm nghề này (cá thể) từ khi đó cho đến hết tháng 9 năm 1998 thì nghỉ vì già yếu. Hiện nay ông không làm gì. Vợ ông (bà Vũ Thị Yến) mới chết cách đây 3 ngày.
- Bà Vũ Thị Yến, sinh năm Ngọ, kém ông Lợi 2 tuổi, không rõ tháng sinh, dân tộc Kinh. Khi còn sống, bà vẫn đi chùa đều đặn vào các ngày rằm, mồng 1. Bà không ăn chay bao giờ, chưa được cấp "sớ điệp", và cũng chưa "quy y tam bảo". Vào đêm 31/3/1999, bà ốm nằm ở bệnh viện Việt-Đức, Hà Nội. Từ ngày lấy ông Lợi đến nay, bà vẫn ở đây. Khi giải phóng Miền Bắc, bà có đi học bổ túc văn hóa, đang học lớp 2 thì bà bỏ học. Hiện nay bà không còn đọc và viết được nữa. Bà không học qua bất kỳ một trường/lớp chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ nào. Sau khi bị ốm 1 năm rưỡi thì bà Yến chết.
- Anh Nguyễn Văn Tuyển, con trai cả ông Lợi, sinh tháng 6/1951 dương lịch, dân tộc kinh, không theo tôn giáo nào. Vào đêm 31/3/1999, anh Tuyển đang ở trên máy bay từ Nga về nước. Cách đây 5 năm, anh Tuyển thường trú tại khu tập thể cơ quan tại phường Lê Hồng Phong, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh đã tốt nghiệp lớp 10 hệ 10 phổ thông và tốt nghiệp khoa kế hoạch, trường đại học Kinh tế quốc dân, hiện anh đang theo học tại chức năm thứ 2, học viện chính trị Hồ Chí Minh. Hiện anh Tuyển là huyện ủy viên, trưởng phòng kế hoạch-tài chính huyện Vũ Thư. Hàng ngày anh Tuyển về ăn ở sinh hoạt cùng với gia đình.
- Chị Trần Tuyết Mai, vợ anh Tuyển, sinh tháng 4/1955 dương lịch, dân tộc kinh, không theo tôn giáo nào. Vào đêm 31/3/1999, chị Mai ở nhà không đi đâu. Cách đây 5 năm, chị thường trú tại khu tập thể trường phổ thông trung học thuộc thị trấn huyện Vũ Thư. Chị Mai đã tốt nghiệp lớp 10 hệ 10 phổ thông, Chị có hai bằng đại học tốt nghiệp về khoa văn, đại học sư phạm Hà Nội, và khoa tiếng Pháp, đại học sư phạm ngoại ngữ Hà Nội. Hiện chị là giáo viên tiếng Pháp, trường phổ thông trung học công lập thị trấn huyện Vũ Thư. Chị Mai sinh được 3 người con:

+ Cháu Nguyễn Thu Hường (con gái đầu lòng), sinh tháng 8/1977, dân tộc kinh, không theo tôn giáo nào. Vào đêm 31/3/1999, cháu ra chăm nom bà ở bệnh viện Việt-Đức, Hà Nội. Cách đây 5 năm (vào ngày 31/3/1999), cháu Hường thuê nhà để ở tại phường Thanh xuân Bắc, quận Thanh Xuân để đi học ở trường đại học Tổng hợp Hà Nội. Cháu Hường đã tốt nghiệp khoa Quản trị kinh doanh vào cuối tháng 10/1998. Cháu Hường đang xin việc ở 1 cơ sở liên doanh với Hàn quốc ở Hà Nội. Từ khi thi tốt nghiệp

đến nay, cháu ở nhà không làm gì, cháu chưa xây dựng gia đình, và chưa sinh con lần nào.

+ Cháu Nguyễn Văn Thái (con trai), sinh tháng 1/1989 dương lịch, dân tộc kinh, không theo tôn giáo nào. Vào đêm 31/3/1999, cháu Thái ở nhà không đi đâu. Cách dây 5 năm, cháu ở với mẹ tại khu tập thể trường phổ thông trung học thuộc thị trấn huyện Vũ Thư. Hiện cháu Thái đang đi học lớp 5 trường tiểu học của xã.

+ Cháu Nguyễn Lan Anh (con gái), sinh ngày 2/4/1999.

- Anh Nguyễn Văn Bình, con trai thứ của ông Lợi, sinh tháng 10 năm 1952 dương lịch, dân tộc kinh, không theo tôn giáo nào. Cách đây 5 năm, anh Bình làm công nhân lắp máy ở tổng công ty xây dựng thủy điện Hòa Bình, và thường trú tại xã Hòa Bình, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Năm 1996, anh nghỉ chế độ hưởng trợ cấp 1 lần và về quê ở. Ở nhà, anh Bình làm nghề sửa chữa máy nông nghiệp (không có cửa hàng, mà ai đến thuê thì làm). Trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, anh Bình làm nghề sửa chữa máy được khoảng 3 tháng. Cách đây 2 tháng, anh xin phép ông Lợi đi vào Đắk Lắk tìm việc. Nếu tìm được việc anh sẽ ở lại đó, nếu không anh sẽ trở lại sống ở quê. Anh Bình đã học xong lớp 12/12, và đã tốt nghiệp thợ hàn bậc 3, trường đào tạo công nhân kỹ thuật cơ khí của tỉnh. Anh đã ly hôn tháng 6 năm 1997, đứa con gái của anh ở với mẹ.

b) Phần nhà ở:

Ông Lợi tự xây 1 ngôi nhà gồm 3 phòng, 1 phòng rộng 28 m^2 dùng để thờ tổ tiên và tiếp khách, xây bằng gạch nung, lợp ngói; 2 phòng ngủ đổ bê tông, mỗi phòng rộng 16 m^2; 1 hiên nhà rộng 14 m^2. Ngoài ra ông còn có 1 ngôi nhà xây bằng gạch nung, lợp ngói, dùng để làm bếp và nhà ăn rộng 26 m^2. Ngôi nhà này được xây độc lập với ngôi nhà trên. Phòng tiếp khách được xây xong và đưa vào sử dụng năm 1975. Hai phòng ngủ được đưa vào sử dụng năm 1987. Nhà ông không ở chung với hộ nào khác. Hộ ông Lợi dùng nguồn điện lưới quốc gia, có Tivi, không có Radio. Hộ ông chủ yếu dùng nước mưa để ăn uống, nước giếng dùng để tắm giặt, rửa ráy. Nhà có hố xí hai ngăn.

Đồng chí hãy xác định những người là nhân khẩu TTTT và ghi phiếu điều tra cho hộ ông Lợi.

Bài 17: Thông tin thu được qua cuộc phỏng vấn giữa ĐTV với ông Đinh Văn Viễn, chủ hộ của hộ số 8, số nhà 13 Nguyễn Tri Phương, thuộc địa bàn số 11 (tổ 1+2, khóm 1), phường 5, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh như sau:

a) Phần dân số: Những người ăn ở chung với ông Viễn, có:

- Ông Đinh Văn Viễn, chủ hộ. Ông Viễn sinh vào rằm tháng tám năm Sửu, năm nay ông 63 tuổi, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm lễ rửa tội). Vào đêm 31/3/1999, ông Viễn đến chơi nhà người bạn ở phường 1, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và nghỉ qua đêm ở đó. Cách đây 5 năm, ông Viễn vẫn cư trú tại phường này. Ông Viễn đã tốt nghiệp lớp 12 hệ 12, và đã tốt nghiệp khoa luật quốc tế, trường đại học luật Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Ông đã nghỉ hưu từ năm 1997. Từ tháng 2/1998 đến nay, ông là bí thư chi bộ tổ dân phố, thời gian ông làm công tác Đảng dưới 6 tháng trong 1 năm. Ngoài ra, ông không làm bất cứ một công việc nào khác để có thêm thu nhập, ông cũng không có nhu cầu việc làm. Ông góa vợ từ năm 1993.

- Anh Đinh Văn Hoàng, con trai đầu của ông Viễn, sinh tháng 2 năm 1962 dương lịch, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm phép rửa tội). Vào đêm 31/3/1999, anh Hoàng ở nhà không đi đâu. Cách đây 5 năm, anh Hoàng cư trú thường xuyên ở thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa. tỉnh Long An. Anh Hoàng tốt nghiệp lớp 12 hệ 12, và đã tốt nghiệp khoa chỉ huy, trường sĩ quan Lục quân. Anh Hoàng đã có vợ. Hiện anh là quận đội phó quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Hà Nguyệt Ánh, vợ anh Hoàng, sinh tháng 7 năm 1961 dương lịch, dân tộc Hoa, không theo tôn giáo nào. Chiều 31/3/1999, chị Ánh đi ô tô về tỉnh Kiên giang để dự đám cưới của 1 người bạn. Trên đường đi, do ô tô bị hỏng, nên chị phải nghỉ qua đêm tại 1 khách sạn ở thành phố Cần Thơ. Cách đây 5 năm, chị vẫn cư trú thường xuyên tại phường này. Chị Ánh đã tốt nghiệp chuyên ngành toán-lý, trường cao đẳng sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, chị là giáo viên toán, trường phổ thông trung học cơ sở I, quận 8. Ngoài các buổi lên lớp, chị còn bán hàng mỹ phẩm ở quầy hàng của nhà. Chị Ánh sinh được 3 người con:

+ Cháu Đinh Hoài Thu (con gái), sinh tháng 1 năm 1989 dương lịch, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm lễ rửa tội). Hiện cháu đang học lớp 5 trường tiểu học của phường. Vào đêm 31/3/1999, cháu Thu ở nhà không đi đâu. Cách đây 5 năm, cháu vẫn cư trú thường xuyên tại phường này.

+ Cháu Đinh Văn Tới (con trai), sinh tháng 5 năm 1994 dương lịch, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm lễ rửa tội). Hiện cháu đang đi học lớp mẫu giáo lớn, trường mầm non Hoa phượng của phường. Vào đêm 31/3/1999, cháu Tới ở nhà không đi đâu. Cách đây 5 năm, cháu vẫn cư trú thường xuyên tại phường này.

+ Cháu Đinh Văn Việt (con trai), sinh tháng 7 năm 1996 dương lịch, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm lễ rửa tội). Cháu Việt được anh ruột của chị Ánh do không có con, đón về nuôi từ tháng 8 năm 1998.

Ngoài ra, chị Ánh còn sinh cháu Đinh Văn Cảnh (con trai) vào tháng 9/1991 dương lịch, nhưng cháu đã bị chết vào tháng 5 năm 1998.

- Anh Đinh Văn Hợp, con trai thứ của ông Viễn, sinh tháng 6 năm 1970 dương lịch, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm lễ rửa tội). Anh hợp đã tốt nghiệp phổ thông trung học. Tháng 2 năm 1991, anh Hà nhập ngũ, đơn vị của anh đóng tại xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh Hà về đến nhà ngày 3/4/1999 theo quyết định xuất ngũ kể từ ngày 1/3/1999 (anh Hà rời đơn vị từ 29/2/1999, nhưng trước khi về nhà, anh còn đi thăm gia đình của một số người bạn cùng đơn vị). Vào đêm 31/3/1999, anh Hà đang ở nhà một người bạn ở tỉnh Bình Dương. Anh Hà không có bất kỳ 1 bằng/chứng chỉ nào về chuyên môn nghiệp vụ. Anh Hoàng chưa kết hôn lần nào. Trong 12 tháng trước thời điểm điều tra, anh Hà là trung đội phó, trung đội cảnh vệ, quân khu 7.

- Chị Đinh Thu Trang, con gái ông Viễn, sinh tháng 12 năm 1972 dương lịch, dân tộc Kinh, theo đạo Thiên chúa giáo (đã làm lễ rửa tội). Chị Trang đã tốt nghiệp lớp 9 hệ 12. Sau khi thôi học, chị ở nhà bán hàng cùng với chị Ánh. Vào đêm 31/3/1999, chị ở nhà không đi đâu. Cách đây 5 năm, chị Trang cư trú thường xuyên tại phường này. Chị Trang mới đi lấy chồng ngày 2/4/1999, và chưa sinh con lần nào.

a) Phần nhà ở:

Hộ ông Viễn ở chung với hộ đại điện là hộ ông Đinh Văn Trường, có số thứ tự hộ là 7. Hộ ông Viễn có sử dụng điện lưới quốc gia, dùng hố xí tự hoại, sử dụng nguồn nước máy trong ăn uống và tắm giặt, rửa ráy. Hộ ông viễn có Tivi và Radio

Đồng chí hãy xác định những người là nhân khẩu TTTT và ghi phiếu điều tra cho hộ ông Viễn.

In tại Xí Nghiệp In Thống Kê
Số : 176 Hùng Vương P.1 - Q. 11
Đ T : 8553272 - Fax : 8572068